



VIETNAM
LISTED COMPANY
AWARDS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

2019

CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NĂM 2019



DRAGON CAPITAL



Deloitte.



TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Kết quả đánh giá này dựa trên những gì quan sát được từ các thông tin công khai cho công chúng, là những gì được phản ánh trong các hồ sơ, tài liệu có được về doanh nghiệp. Vì vậy kết quả có thể không được toàn diện và đầy đủ như những gì có thể nắm bắt được khi có được các thông tin nội bộ, hoặc thông tin về thực tế diễn ra bên trong doanh nghiệp. Ngoài ra cũng có những trường hợp doanh nghiệp thực hiện tốt nhưng không công khai thông tin thì thực tiễn tốt đó cũng không được phản ánh vào các kết luận của báo cáo này.

Cũng như bất kỳ hệ thống đánh giá chấm điểm quản trị công ty nào, phương pháp đánh giá cũng này cũng không tránh khỏi việc có những thiếu sót nhất định. Việc sử dụng các thông tin cung cấp trong báo cáo này do vậy cần được cân trọng. Ban Tổ chức không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra

NÂNG QUẢN TRỊ CÔNG TY DOANH NGHIỆP VIỆT NAM LÊN MỘT TẦM CAO MỚI

“Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam theo thông lệ tốt nhất là nỗ lực mới nhất của các bên để hỗ trợ các doanh nghiệp đại chúng và nghiêm ngặt áp dụng các tiêu chuẩn quản trị công ty quốc tế. Điều này giúp nâng cao chất lượng doanh nghiệp nghiêm ngặt trên các sở giao dịch chứng khoán. Mục tiêu cao nhất của Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam là nâng cao niềm tin của nhà đầu tư, tăng trưởng thị trường vốn Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia.”

Ông Trần Văn Dũng – Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát biểu trong sự kiện công bố lần đầu tiên Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất dành cho các công ty đại chúng của Việt Nam vào ngày 13/8/2019 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	5
GIỚI THIỆU	6
PHẦN 1. CÁC QUAN SÁT ĐÁNG CHÚ Ý	8
PHẦN 2. CÁC PHÂN TÍCH TỔNG QUAN.....	22
PHẦN 3. CÁC PHÂN TÍCH CHI TIẾT VÀ KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN	29
PHẦN 4. KẾT LUẬN.....	44
PHẦN 5. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ.....	46
CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2019	46
CƠ SỞ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM.....	47
Nội dung bộ tiêu chí Quản trị công ty Việt Nam.....	48
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM	51
DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2019	78

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.2: Chất lượng quản trị công ty và giá trị thị trường của doanh nghiệp.....	9
Hình 1.3: Chất lượng quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.....	10
Hình 1.4: Tháp qui định luật pháp và các nguyên tắc QTCT tốt nhất.....	11
Hình 1.5: Tháp chất lượng QTCT của Việt Nam qua hai năm 2018-2019	12
Hình 1.6: Qui định pháp luật và các nguyên tắc quản trị công ty tốt	14
Hình 1.7: Áp dụng các Tiêu chuẩn quốc tế trong việc lập Báo cáo phát triển bền vững.	15
Hình 1.9: Mức độ công bố thông tin và điểm QTCT	17
Hình 1.10: Giới thiệu thành viên độc lập vào HĐQT.....	18
Hình 1.11: Tỷ lệ doanh nghiệp có các Ủy ban Bổ nhiệm và Thù lao qua hai năm 2018-2019.....	20
Hình 1.12: Tỷ lệ doanh nghiệp có Ủy ban kiểm toán qua hai năm 2018-2019	21
Hình 2.1: Phân bố mẫu các doanh nghiệp được đánh giá theo qui mô vốn hoá.....	23
Hình 2.2: Phân bố số lượng doanh nghiệp ở các mức điểm QTCT từ thấp đến cao	23
Hình 2.3: So sánh tỷ lệ doanh nghiệp theo điểm QTCT qua hai năm 2018-2019.....	24
Hình 2.4 Tổng quan tỷ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT phân theo các yêu cầu Tuân thủ và Thông lệ. 25	
Hình 2.5: Tổng quan tỷ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT theo từng nguyên tắc của OECD	26
Hình 2.6: Điểm QTCT trung bình của từng lĩnh vực	28

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCTN	Báo cáo thường niên
BKS	Ban kiểm soát
DN	Doanh nghiệp
DNNY	Doanh nghiệp niêm yết
G20	Diễn đàn của 20 nền kinh tế lớn
GCGF	Diễn đàn quản trị công ty toàn cầu
GDBLQ	Giao dịch các bên liên quan
GDCK	Giao dịch chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
P/B	Tỉ số giá thị trường chia giá bút toán của cổ phiếu
QTCT	Quản trị công ty
ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
Tobin's Q	Tỉ số giá thị trường chia giá bút toán của tổng tài sản
TTCK	Thị trường chứng khoán
VCGS	Bộ tiêu chí QTCT của Việt Nam
VNX Allshare	Chỉ số chung cho thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX

LỜI MỞ ĐẦU

Quản trị công ty tốt là yêu cầu thiết yếu giúp tạo dựng lòng tin nơi nhà đầu tư, cho phép doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn với chi phí hợp lý, và giúp đảm bảo một quá trình phát triển bền vững và lâu dài của doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu nắm bắt tình hình thực thi các quy định và thông lệ quản trị công ty tốt tại các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, trong khuôn khổ Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2019, Ban Tổ chức Cuộc bình chọn và các bên hữu quan tiếp tục thực hiện khảo sát và tổng kết các khía cạnh thực hành về quản trị công ty tại Báo cáo đánh giá Quản trị công ty các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam năm 2019.

Kết quả đánh giá dựa trên Bộ tiêu chí quản trị công ty áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam năm 2019 (VCGS) được xây dựng dựa trên quy định pháp luật Việt Nam về quản trị công ty, các nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD, các tiêu chí của Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN với mục tiêu đo lường, đánh giá và thúc đẩy thực hành quản trị tốt theo lộ trình cho phép doanh nghiệp Việt Nam sớm hội nhập thị trường vốn khu vực và quốc tế. Mẫu đánh giá là toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết có trong bộ chỉ số VNX-Allshare; các tài liệu công bố cho công chúng nhà đầu tư và các bên hữu quan được thu thập từ nhiều nguồn, và được đánh giá qua nhiều bước, nhằm đảm bảo độ tin cậy và khách quan trong các nhận định.

Các kết quả đánh giá tổng quan, các quan sát thực hành quản trị trong từng lĩnh vực bám sát mục tiêu đánh giá của năm 2019 cho thấy mặc dù đã có những cải thiện nhất định so với năm trước nhưng việc đáp ứng tốt QTCT theo tiêu chuẩn VCGS vẫn còn là thách thức đối với đa số DNNY hiện nay, nhóm doanh nghiệp tốt nhất vẫn cần nhiều cải thiện đáng kể trong thực hành QTCT theo thông lệ tốt quốc tế. Mặc dù có nhiều doanh nghiệp đã thực thi quản trị tốt và đạt được các kết quả đánh giá cao trong từng lĩnh vực, tuy nhiên việc nâng cao thực hành quản trị tốt trên toàn thị trường, ở tất cả các lĩnh vực quản trị công ty, và tại tất cả các doanh nghiệp niêm yết vẫn cần nhiều nỗ lực phía trước.

Cải thiện quản trị công ty hướng đến hội nhập thị trường vốn trong khu vực và quốc tế là một lộ trình dài hạn đòi hỏi sự quan tâm của nhiều bên hữu quan, đặc biệt là từ lãnh đạo các doanh nghiệp. Ban Tổ chức Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2019 tin tưởng rằng đây là một báo cáo khảo sát có độ tin cậy và có tính thực tiễn cao, là tài liệu các doanh nghiệp niêm yết nên tham khảo trong quá trình xây dựng các chính sách và thực thi các vấn đề về quản trị công ty tại doanh nghiệp mình, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và tăng mức độ tin nhiệm nói chung của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn các thành viên Hội đồng bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2019, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Đào tạo Quản trị Doanh nghiệp – Đại học Bách khoa Tp.HCM, các công ty kiểm toán hàng đầu Deloitte, EY, KPMG, PWC đã hỗ trợ chúng tôi hoàn tất báo cáo này.

Ban Tổ chức Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2019

GIỚI THIỆU

Năm 2019 đánh dấu năm thứ hai cuộc bình chọn Báo cáo thường niên được nâng lên thành cuộc Bình chọn doanh nghiệp niêm yết, và cũng là năm thứ hai Quản trị công ty được đưa lên thành một nội dung đánh giá quan trọng, cho thấy quản trị công ty là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Dựa trên phương pháp đánh giá đã xây dựng trong năm 2018¹, cuộc đánh giá chất lượng quản trị công ty tiếp tục được thực hiện theo phương pháp đánh giá khách quan dựa vào các báo cáo thông tin về tình hình quản trị của doanh nghiệp. Bộ tiêu chí đánh giá được dựa trên các quy định về quản trị công ty và có tham khảo thêm những nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD cũng như các tiêu chí đánh giá Thẻ điểm quản trị công ty của khu vực ASEAN. Bộ tiêu chí đánh giá có 77 câu hỏi, bao gồm 69 câu hỏi cấp 1 đánh giá các yêu cầu căn bản về quản trị công ty theo tiêu chuẩn luật định của Việt Nam và theo các thông lệ quản trị tốt của thế giới, và 8 câu hỏi cấp 2 gồm các câu hỏi cộng điểm cho các thực hành quản trị công ty tiến bộ đặc biệt, và trừ điểm đối với các vi phạm quản trị công ty.

Mục đích của cuộc đánh giá là đem lại một bức tranh tổng quan về chất lượng quản trị công ty của các DNNY tại Việt Nam, từ đó nhận diện được các cơ hội và thách thức trong việc nâng cao chất lượng quản trị công ty, hướng đến đáp ứng các chuẩn mực quản trị tiên bộ của thế giới. Cuộc đánh giá đem lại các bài học cụ thể cho doanh nghiệp từ đó chỉ ra các cơ hội cải tiến, bên cạnh đó đồng góp các quan sát thực tiễn cho cơ quan quản lý làm cơ sở điều chỉnh các công tác quản lý giám sát nâng cao chất lượng quản trị công ty, là cơ sở nâng cao chất lượng của thị trường vốn Việt Nam, và gia tăng niềm tin của nhà đầu tư.

Giải thưởng quản trị công ty DNNY Việt Nam với Bộ tiêu chí đánh giá QTCT dành cho các DNNY cung cấp một thước đo được thiết kế để hỗ trợ DN trong quá trình tinh tiến các thực hành QTCT của DN theo hướng nâng dần chất lượng QTCT, trước mắt là để đáp ứng các quy định luật pháp về QTCT, nhưng lâu dài là để đáp ứng các thông lệ quản trị tốt, giúp DN đáp ứng được các chuẩn mực quản trị trong xu hướng hội nhập quốc tế. Bộ tiêu chí QTCT cho DNNY được xây dựng trên tinh thần cải tiến và nâng cao liên tục để đáp ứng mục tiêu cần nhấn mạnh, đó là: Quản trị tốt không phải là đáp ứng các quy định luật pháp, quản trị tốt là hướng đến những giá trị vững bền cao hơn việc tuân thủ pháp luật giản đơn, từ đó giúp DN thực hành quản trị dựa trên nhận thức tốt để đưa DN đến các giá trị chung được cổ đông chia sẻ.

¹ Cơ sở đánh giá và phương pháp đánh giá được nêu tại Phần 5 của báo cáo này.

Các DN được đánh giá QTCT trong năm 2019 là các DNNY có tính đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam được niêm yết trên hai sàn chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, bao gồm toàn bộ doanh nghiệp nằm trong danh mục của chỉ số VNX Allshare, là các DN đáp ứng các tiêu chí về vốn hoá, tỉ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. Việc chọn lựa Mẫu đánh giá QTCT là toàn bộ doanh nghiệp trong VNX Allshare là phù hợp với thông lệ tốt, với mục đích cung cấp thông tin cơ sở cho thị trường về hình ảnh chất lượng quản trị của tất cả các DNNY Việt Nam, làm cơ sở tin cậy cho việc xây dựng các khuyến nghị để tiếp tục thúc đẩy thị trường hướng đến các chuẩn mực QTCT tốt, các chuẩn mực phát triển bền vững.

Danh sách các DNNY được đánh giá năm 2019 bao gồm 416 DNNY của VNX Allshare được bao gồm trong rô chỉ số vào thời điểm ngày 30 tháng 3 năm 2019 (cho rô chỉ số VNX Allshare kỳ tháng 4 năm 2019). Phân nhóm theo qui mô vốn hoá, mẫu đánh giá gồm 416 DNNY này được phân thành 3 nhóm: Nhóm DNNY có qui mô lớn (gồm 50 DN), Nhóm DNNY có qui mô vừa (gồm 149 DN); và Nhóm DNNY có qui mô nhỏ (gồm 217 DN còn lại). Tổng giá trị vốn hoá của 416 DNNY tại thời điểm thu thập danh sách đánh giá là 3.076.299 tỷ đồng, chiếm 90.18% tổng giá trị vốn hóa của toàn bộ DNNY trên hai sàn giao dịch chứng khoán HOSE và HNX.

PHẦN 1. CÁC QUAN SÁT ĐÁNG CHÚ Ý

1. CÁC TIẾN BỘ TRONG QTCT ĐƯỢC NHÌN THẤY TUY CÒN KHIÊM TỐN

Kết quả đánh giá QTCT năm 2019 cho thấy DN có các tiến bộ nhất định trong công bố thông tin về thực hành QTCT tại DN. Điểm công bố thông tin đã được cải thiện từ mức đáp ứng 64.5% các tiêu chí về công bố thông tin trong năm 2018 tăng lên mức đáp ứng 69.4% các tiêu chí công bố thông tin trong năm 2019². Cải thiện công bố thông tin về QTCT là điều kiện cần cho minh bạch thông tin, và là cơ hội để công chúng có thêm thông tin về hoạt động quản trị doanh nghiệp, cũng là cơ hội để doanh nghiệp quảng bá hình ảnh về quản trị minh bạch, và cơ hội được xếp hạng cao hơn trong các giải thưởng quản trị tốt của doanh nghiệp. Các cải thiện công bố thông tin cho thấy có tiến bộ nhất định trong công bố thông tin về tỉ lệ sở hữu, đặc biệt của cổ đông lớn, công bố thông tin về các thành viên HĐQT, công bố thông tin quản trị trên website của công ty.

Một khía cạnh khác ghi nhận sự tiến bộ so với năm 2018 đó là việc thực thi vai trò trách nhiệm của HĐQT. DNNY đã đáp ứng 49.7% các tiêu chí về vai trò trách nhiệm HĐQT trong năm 2019³, tăng từ mức 46.4% trong năm 2018. Các điểm cải thiện trong lĩnh vực vai trò trách nhiệm của HĐQT bao gồm cải thiện tính đa dạng của HĐQT, như có sự gia tăng đa dạng về trình độ, kinh nghiệm của HĐQT, gia tăng các DN có cân đối giới trong HĐQT. Các DN đã thực thi tốt hơn trong việc thành lập các uỷ ban chuyên trách của HĐQT, trong đó có các uỷ ban bổ nhiệm, lương thưởng và đặc biệt có nhiều hơn các DN áp dụng mô hình UBKT trong HĐQT.

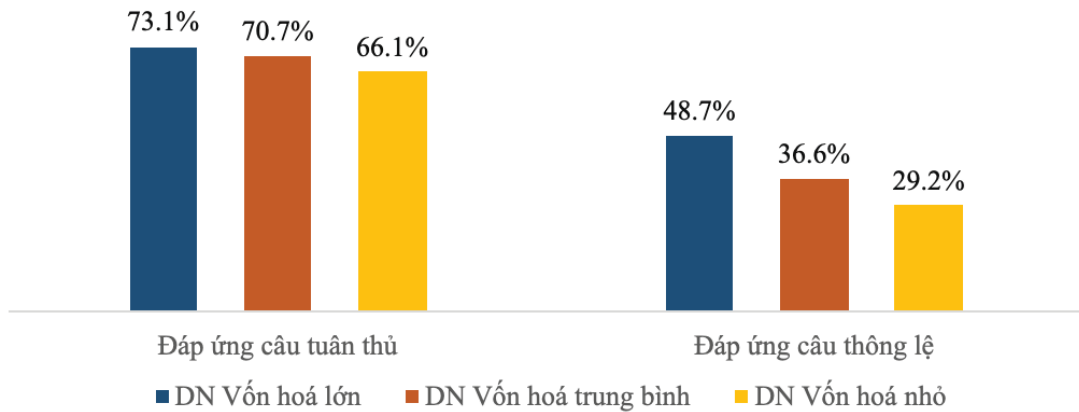
Mức độ công bố thông tin về các khía cạnh phát triển bền vững cũng có cải thiện đáng kể trên tổng thể các DN được đánh giá. DNNY đã đáp ứng 40% các tiêu chí về vai trò trách nhiệm đối với các bên liên quan trong năm 2019⁴, tăng từ mức 36.2% trong năm 2018. Nhìn chung có sự chênh lệch lớn giữa nhóm DN lớn so với nhóm có qui mô nhỏ trong công bố thông tin nói chung, và công bố các báo cáo về phát triển bền vững nói riêng.

QTCT có khác biệt đáng kể giữa nhóm DN qui mô lớn, và nhóm DN có qui mô trung bình so với nhóm DN có qui mô nhỏ. Tỉ lệ đáp ứng các tiêu chuẩn QTCT của DN có vốn hoá lớn vẫn cao hơn đáng kể so với 2 nhóm còn lại, đặc biệt trong việc đáp ứng các thông lệ tốt. Tỉ lệ đáp ứng các yêu cầu tuân thủ của DN lớn là 73.1%, doanh nghiệp qui mô trung bình là 70.7% và của doanh nghiệp nhỏ là 66.1%. Tỉ lệ đáp ứng bình quân của các thông lệ quản trị tốt của thế giới của doanh nghiệp lớn là 48.7%, của doanh nghiệp qui mô trung bình là 36.6% và của doanh nghiệp nhỏ là 29.2%.

² Chi tiết kết quả xin xem Hình 2.5 của báo cáo này. Bộ tiêu chí đánh giá công bố thông tin không thay đổi qua hai năm đánh giá 2018-2019.

³ Chi tiết kết quả xin xem Hình 2.5 của báo cáo này. Bộ tiêu chí đánh giá vai trò trách nhiệm HĐQT không thay đổi qua hai năm đánh giá 2018-2019.

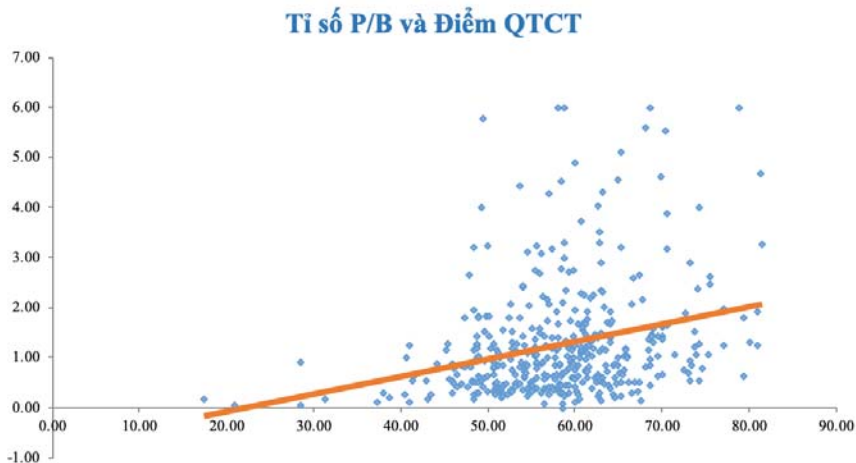
⁴ Chi tiết kết quả xin xem Hình 2.5 của báo cáo này. Bộ tiêu chí đánh giá vai trò trách nhiệm đối với các bên liên quan không thay đổi qua hai năm đánh giá 2018-2019.



Hình 1.1: Mức độ đáp ứng các tiêu chí đánh giá QTCT theo tiêu chí tuân thủ và thông lệ.

2. ĐẦU TƯ VÀO QUẢN TRỊ CÔNG TY GIÚP GIA TĂNG GIÁ TRỊ VÀ LỢI NHUẬN CHO DOANH NGHIỆP

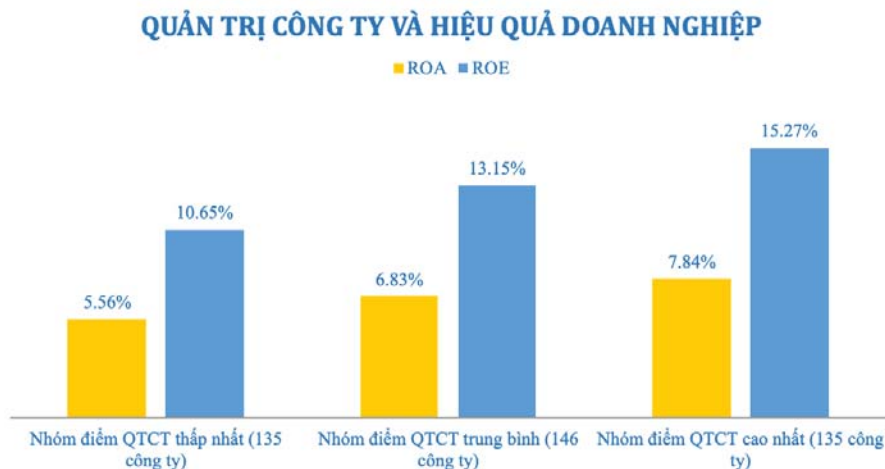
Lợi ích quan trọng của quản trị tốt là giảm rủi ro, tăng minh bạch, tăng cam kết, từ đó tăng niềm tin của nhà đầu tư và của thị trường vào doanh nghiệp. Kết quả đánh giá trong hai năm 2018-2019 đem lại bằng chứng thuyết phục minh chứng điều này. Kết quả cho thấy các công ty có quản trị tốt có giá cổ phiếu cao hơn các công ty có quản trị kém. Công ty có điểm quản trị cao cũng là các công ty có tỉ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách cao hơn các công ty có điểm quản trị thấp. Trong hình dưới, trục tung là tỉ số P/B của DN tương ứng với trục hoành là điểm số QTCT của DN.



Hình 1.2: Chất lượng quản trị công ty và giá trị thị trường của doanh nghiệp

Thực tiễn tại các doanh nghiệp đã cho thấy quản trị tốt giúp ngăn ngừa rủi ro, hệ thống vận hành ổn định, có thể kiểm soát tốt hơn chi phí, nhờ vậy doanh nghiệp tập trung nhiều hơn cho tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Phát hiện của chúng tôi cũng cho thấy trung bình lợi nhuận của các

doanh nghiệp thuộc nhóm quản trị tốt cao hơn trung bình lợi nhuận của nhóm công ty có quản trị kém. Đây là một thông tin hữu ích khích lệ doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc đầu tư cho quản trị tốt, giúp đem lại các lợi ích kinh doanh thiết thực.



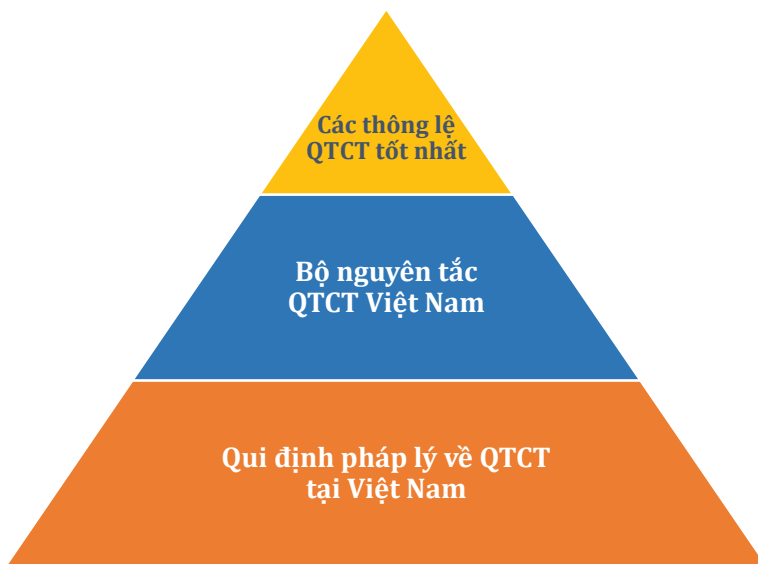
Hình 1.3: Chất lượng quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

3. KHUÔN KHỔ QUẢN TRỊ CÔNG TY - ĐÃ CÓ CÁC NỀN TẢNG LUẬT PHÁP VỮNG CHẮC

Tại Việt Nam, các khuôn khổ pháp lý tạo nền tảng cho thực thi và giám sát quản trị công ty đã có từ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Quy định công bố thông tin. Gần đây sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2014 đặt ra các khuyến nghị quan trọng cho các mô hình quản trị mới được áp dụng tại Việt Nam. Nghị định 71/2017/NĐ-CP và thông tư 95/2017/TT-BTC thay thế thông tư 121/2012/TT-BTC về QTCT ban hành các qui định luật pháp về quản trị công ty cho doanh nghiệp đại chúng và niêm yết và Nghị định 05/2019/NĐ-CP qui định về vai trò trách nhiệm kiểm toán nội bộ.

So sánh với các thị trường chứng khoán trong khu vực ASEAN với bề dày lịch sử phát triển thị trường vốn dài hơn, sự có mặt các văn bản pháp lý quan trọng này cho thấy thị trường chứng khoán Việt Nam mặc dù ra đời muộn hơn, đã được trang bị cơ bản đầy đủ các nền tảng pháp lý về quản trị công ty quan trọng. Năm 2019 còn đánh dấu một thời điểm quan trọng khi mà Việt Nam lần đầu tiên có bộ nguyên tắc QTCT đặt ra các kim chỉ nam cho doanh nghiệp niêm yết và đại chúng hướng đến nhanh chóng áp dụng các tiêu chuẩn quản trị công ty quốc tế giúp nâng cao chất lượng quản trị tại các DN Việt Nam.

Làm sao đáp ứng được các yêu cầu luật pháp về QTCT của quốc gia là những đòi hỏi tối thiểu đối với doanh nghiệp. Tiếp đến làm sao chuẩn bị một lộ trình để nhanh chóng áp dụng vào thực tế các thông lệ quản trị doanh nghiệp tiến bộ hơn là một định hướng quan trọng thể hiện cam kết của doanh nghiệp trong việc quản trị tốt, hướng đến phát triển bền vững vì lợi ích của nhà đầu tư và tất cả các bên có liên quan.



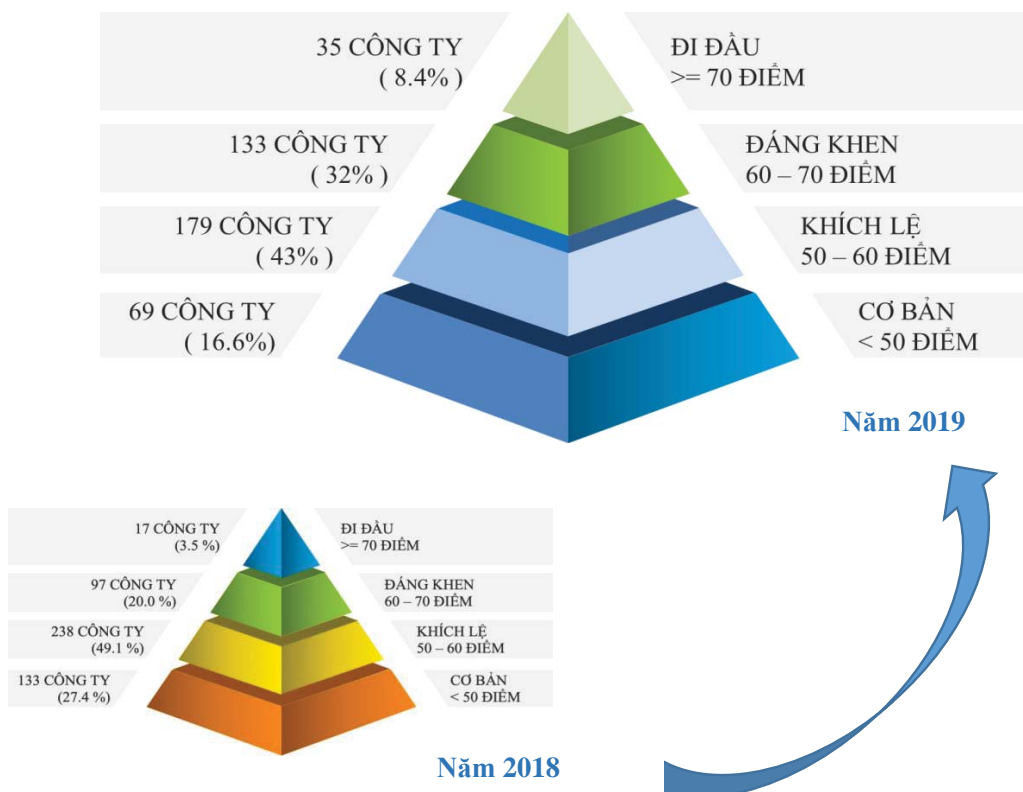
Hình 1.4: Tháp qui định luật pháp và các nguyên tắc QTCT tốt nhất

Tháp qui định luật pháp và các nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất cũng giải thích thứ hạng các DN trong tháp chất lượng QTCT của các DNVN. Theo đánh giá QTCT trong năm 2019, nhóm các DN có mức điểm thấp nhất (gồm nhóm Cơ bản và nhóm Khích lệ) với mức điểm thấp hơn 60 điểm chiếm hơn 50% số DN được đánh giá - với nhiều lỗi quản trị do vi phạm các qui định luật pháp về QTCT, đây là nhóm DN vẫn còn những lỗi vi phạm các qui định pháp lý về QTCT. Nhóm các DN đã vượt trên các qui định pháp lý và đáp ứng các nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất vẫn chỉ là nhóm nhỏ các DN có mức điểm cao (35 công ty, với tỉ lệ 8,4%). Các DNNY đạt các mức điểm cao nhất theo đánh giá QTCT của Việt Nam này có thể có khả năng được nhận diện tại các giải thưởng QTCT của khu vực và quốc tế.

Tuy vậy ngay cả những DN hàng đầu về QTCT của Việt Nam vẫn chưa thể xuất hiện tại các giải thưởng của khu vực như giải thưởng quản trị công ty ASEAN⁵ là do tuy đã có thể được xem là các DN hàng đầu về QTCT tại Việt Nam nhưng các DN đi đầu này vẫn chưa đáp ứng các thông lệ QTCT tốt nhất, đặc biệt trong các lĩnh vực về tính độc lập của HĐQT; cấu trúc HĐQT, quyền hạn, vai trò và trách nhiệm của các uỷ ban trong HĐQT; việc thực thi tốt vai trò và trách nhiệm của HĐQT. Các DN cũng chưa đáp ứng được các nội dung đánh giá về phát triển bền vững theo các chuẩn mực báo cáo quốc tế, chưa đạt được các chuẩn mực quốc tế về công bố thông tin cho cổ đông trong các kỳ đại hội, chưa đạt được các yêu cầu về phân chia lợi nhuận kịp thời cho cổ đông. Về công bố thông tin, DN chưa đáp ứng các nguyên tắc minh bạch thông tin mang tính quốc tế. Cụ thể là mức độ công bố thông tin bằng tiếng Anh của DN không tương đương với mức độ công bố thông tin bằng tiếng Việt. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hình ảnh của DN Việt Nam trong mắt nhà đầu tư quốc tế.

⁵ Giải thưởng QTCT khu vực ASEAN là hoạt động đánh giá QTCT của Diễn đàn thị trường vốn ASEAN của các nước trong khu vực, được diễn ra định kỳ hai năm một lần.

Mặc dù nhóm doanh nghiệp đi đầu chiếm tỉ lệ nhỏ trong toàn bộ các DN được đánh giá, nhưng có thể nói điểm sáng của năm 2019 là DN đã có cải thiện QTCT đáng kể. Theo quan sát từ đánh giá này, đã có sự dịch chuyển vị trí của các DN từ các nhóm chất lượng QTCT thấp sang những nhóm có chất lượng QTCT cao hơn. Năm 2018 có 133 DN (tỉ lệ 27.4%) thuộc nhóm có QTCT mức cơ bản, tuy nhiên sang năm 2019 một số lượng lớn các DN này đã dịch chuyển lên các vị trí cao hơn, chỉ để lại 69 DN thuộc nhóm cơ bản (chiếm tỉ lệ 16.6%). Năm 2019 đã có sự gia tăng số lượng DN thuộc nhóm có QTCT đi đầu từ 17 lên 35 công ty, từ mức chỉ chiếm 3.5% lên đến tỉ chiếm 8.4% số lượng các DN được đánh giá.



Hình 1.5: Tháp chất lượng QTCT của Việt Nam qua hai năm 2018-2019

4. BẢO VỆ QUYỀN CỔ ĐÔNG - THIẾU VẮNG CÁC NHÀ ĐẦU TƯ HÀNH ĐỘNG

Với một khuôn khổ, định chế luật đã được thiết lập, làm sao đưa các qui định và các nguyên tắc quản trị tốt này vào thực tiễn có lẽ là thách thức lớn nhất hiện nay tại Việt Nam. Với hơn 2000 công ty đại chúng, trong đó có 750 doanh nghiệp niêm yết, tổng vốn hoá của TTCK Việt Nam là 3.568.624 tỷ đồng tính đến ngày 31/10/2019, tương đương 153 tỷ đô la Mỹ, tức 84,8% GDP, TTCK Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng lớn để tăng trưởng. Tuy nhiên chất lượng và tiềm năng phát triển của thị trường phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng quản trị DN, đặc biệt phụ thuộc vào

vai trò của DN đối với cổ đông - mối quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư khi quyết định rót vốn vào thị trường. Kết quả đánh giá cho thấy DNNY đã đáp ứng 57.1% các tiêu chí về vai trò đối với cổ đông, nhà đầu tư trong năm 2019⁶, tăng từ mức 55.2% trong năm 2018 – một mức tăng khiêm tốn.

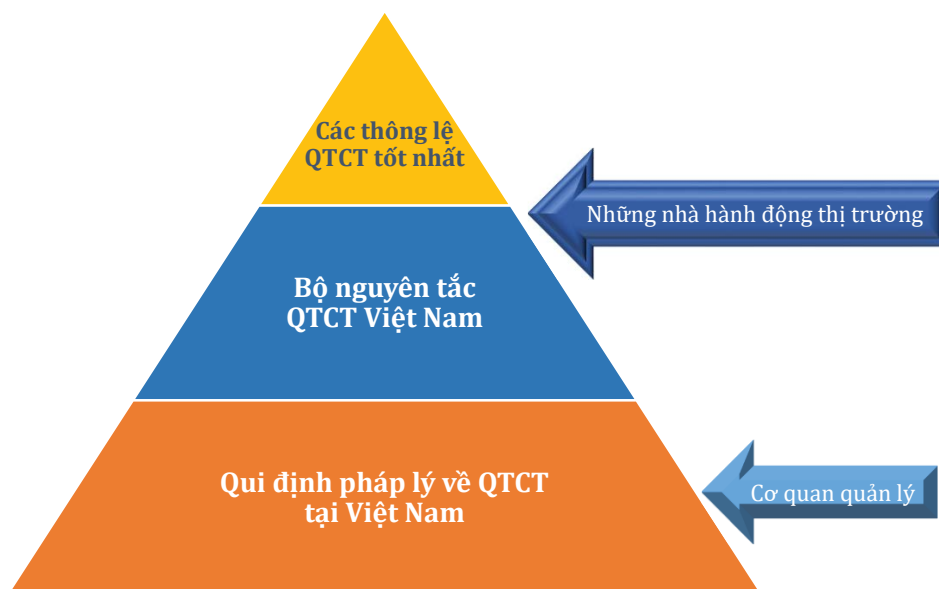
Thực tế cho thấy bên cạnh vai trò quan trọng của cơ quan quản lý, thị trường cần đến những hành động tích cực của các thành viên thị trường (stock market activists) bao gồm: các nhà đầu tư tổ chức, ngân hàng cho vay, tổ chức đào tạo quản trị, các hiệp hội bảo vệ nhà đầu tư, các hiệp hội hành động vì QTCT tốt, các tổ chức hiệp hội tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư hành động ... Các tổ chức này được kỳ vọng sẽ tích cực lên tiếng đối với các hành vi đi ngược với giá trị của cổ đông, giá trị công ty, giá trị cộng đồng.

Tại các thị trường vốn phát triển như Mỹ, Anh, châu Âu... các tổ chức hành động vì quản trị tốt tích cực giám sát các hoạt động điều hành doanh nghiệp, quản trị công ty, từ đó khi cần thiết sẽ gây áp lực lên ban điều hành và hội đồng quản trị công ty. Các yêu cầu của các nhà hành động vì quản trị tốt thường bao gồm các yêu cầu xem lại chính sách thù lao lãnh đạo, lương thưởng của ban điều hành công ty, các yêu cầu xem xét đánh giá việc thực thi vai trò và trách nhiệm của các cá nhân đang là thành viên hội đồng quản trị doanh nghiệp, hay các yêu cầu cụ thể hơn về chính sách cổ tức, mua lại cổ phiếu quỹ, các yêu cầu đối với doanh nghiệp trong việc thực thi các nỗ lực phát triển bền vững, tăng lương lao động, áp dụng công nghệ mới, chống biến đổi khí hậu...

Có thể thấy hoạt động của các nhà hành động thị trường rất đa dạng, với các hoạt động ngày càng mạnh mẽ tích cực hơn, tạo nên một áp lực không hề nhỏ đối với doanh nghiệp trong quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Theo một báo cáo của Forbes, các nhà hành động thị trường không còn đầu tư thụ động theo cách đã làm vào những năm 1980, họ ngày càng trở nên quan trọng hơn trong vai trò đóng góp vào nâng cao chất lượng quản trị công ty. Trong số các tổ chức đầu tư hành động lớn nhất, BlackRock với hơn 6 nghìn tỷ đô la tài sản quản lý, hay Vanguard với 5 nghìn tỷ đô la tài sản quản lý, đã khởi xướng nhiều chiến dịch công khai và đặt ra các yêu cầu đối với các công ty và ban lãnh đạo để gây áp lực thay đổi và cải tiến quản trị. Theo tổ chức Activist Insight, số lượng doanh nghiệp bị yêu cầu phải cải thiện quản trị ngày càng gia tăng, với số lượng doanh nghiệp bị yêu cầu cải thiện quản trị tăng lên mỗi năm 11% trong giai đoạn 2014-2017⁷.

⁶ Chi tiết kết quả xin xem Hình 2.5 của báo cáo này. Bộ tiêu chí đánh giá vai trò DN đối với lĩnh vực bảo vệ quyền của cổ đông không thay đổi qua hai năm đánh giá 2018-2019.

⁷ Theo Báo cáo Shareholder Activism Insight năm 2018 của Activist Insight.



Hình 1.6: Qui định pháp luật và các nguyên tắc quản trị công ty tốt

Những nhà hành động thị trường hoạt động theo cơ chế đơn lẻ hoặc hệ thống. Có các nhà hành động thị trường là các quỹ đầu tư lớn có khả năng tạo ra một hệ thống hoàn chỉnh bao gồm các đối tác truyền thông, hỗ trợ và phối hợp từ giám sát, lên tiếng, vận động hành lang, tiếp xúc yêu cầu gặp mặt ban lãnh đạo công ty, hoặc vận động dòn phiếu đề biểu quyết cho các dự thảo cải tổ quản trị trong doanh nghiệp. Trong số những nhà hành động vì thị trường, có thể thấy những quỹ đầu tư hành động (activist investors) có vai trò rất quan trọng với năng lực biểu quyết và khả năng tham gia có mặt trong hội đồng quản trị doanh nghiệp. Bộ nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD năm 2014 đã giới thiệu một chương mới – Vai trò của nhà đầu tư tổ chức, nhấn mạnh vai trò quan trọng và tích cực của nhóm nhà hành động vì thị trường này. Nước Anh đã đi đầu trong việc giới thiệu Bộ qui tắc phụng sự cổ đông (Investor Stewardship Code), theo sau đó là rất nhiều quốc gia ở khắp các châu lục đã giới thiệu Bộ qui tắc này, cùng với đó là sự cam kết cao từ các nhà đầu tư tổ chức thông qua việc cùng ký hậu vào bộ qui tắc trên tinh thần tự nguyện.

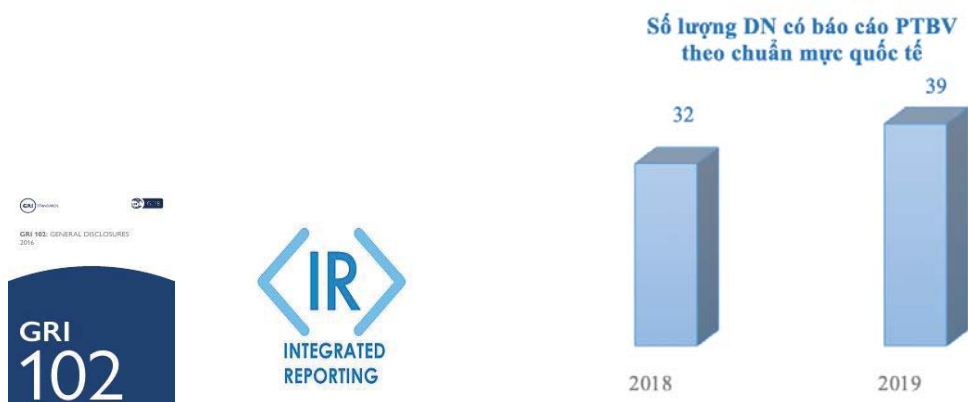
Tại Việt Nam, năm 2018 đã đánh dấu sự ra đời của Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) với sự ủng hộ của các tổ chức hành động vì quản trị tốt như Hội đồng sáng kiến quản trị công ty Việt Nam (VCGI), Công ty tài chính quốc tế (IFC), Quỹ đầu tư Dragon Capital, các công ty kiểm toán Big 4, được kỳ vọng là những nhà hành động vì quản trị tốt quan trọng của thị trường Việt Nam. Bên cạnh hoạt động tập huấn, đào tạo, cập nhật cho các thành viên hội đồng quản trị các doanh nghiệp, VIOD và các tổ chức này cũng lên tiếng vì quản trị tốt thông qua các, hội nghị hội thảo.

5. TRÊN CẢ LỢI NHUẬN LÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận trên vốn đầu tư. Cùng lúc đó thực hiện Cam kết không đánh đổi lợi nhuận với mục tiêu phát triển bền vững luôn là điều không hề dễ dàng. Năm

2015 Liên hiệp quốc đã ban hành 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDG – Sustainable Development Goals) cao cả nhưng đầy thách thức. Các mục tiêu này được các chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai theo nhiều cấp độ và nhiều cách. Việt Nam cũng đề ra 17 mục tiêu phát triển bền vững với 115 mục tiêu cụ thể cho giai đoạn đến năm 2030. Việc triển khai các mục tiêu này được kỳ vọng sẽ đến từ những nỗ lực thực tiễn quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp – là các đầu máy kéo của nền kinh tế. Trong đánh giá QTCT năm 2019 đã có nhiều hơn các DN lập báo cáo phát triển bền vững có nối kết các hoạt động của doanh nghiệp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc và của Việt nam, quan sát trong đánh giá năm 2019 đã có khoảng 10% đã thực hiện được điều này.

Giải thưởng Báo cáo phát triển bền vững trong khuôn khổ bình chọn Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam được đề cao đã là bằng chứng nhấn mạnh tầm quan trọng của các cam kết của doanh nghiệp không đánh đổi phát triển bền vững. Các tiến bộ được liên tục được ghi nhận hàng năm cho các nỗ lực ngày càng nhiều hơn của DN về vấn đề phát triển bền vững. Nhiều doanh nghiệp đã đi đầu trong việc áp dụng các chuẩn mực báo cáo phát triển bền vững quốc tế như GRI, tuy nhiên việc tích hợp thêm những tiêu chuẩn lập báo cáo phát triển bền vững như IIRC hoặc SASB chưa được ghi nhận. Các DN có áp dụng các chuẩn mực lập báo cáo PTBV quốc tế đều được nhận diện là các doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt bậc, có những nỗ lực cụ thể và thực tế nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

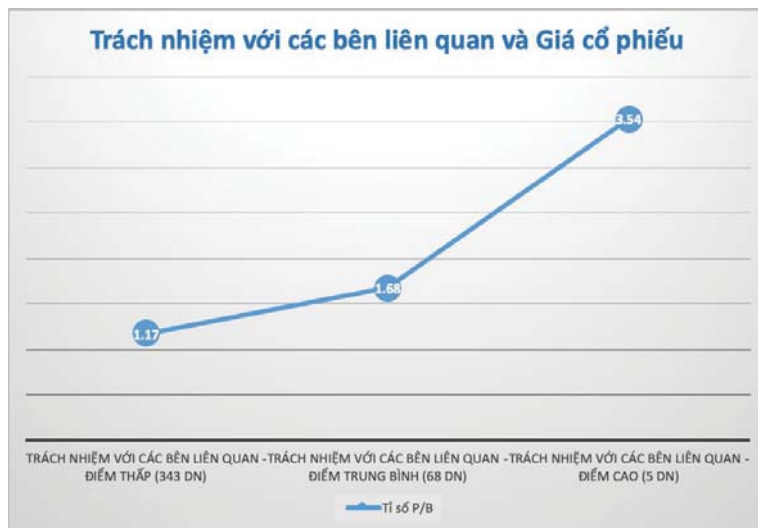


Hình 1.7: Áp dụng các Tiêu chuẩn quốc tế trong việc lập Báo cáo phát triển bền vững.

Trong nội dung đánh giá vai trò doanh nghiệp đối với các bên liên quan của Thẻ điểm QTCT Việt Nam năm 2019, nội dung này là một trong những điểm sáng ghi nhận tiến bộ đáng kể của DNNY trong việc công bố các nội dung liên quan. Cụ thể, số DNNY đáp ứng các nội dung về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội trong năm 2019 đã tăng hơn 5% (câu 19)⁸; số DNNY đáp ứng việc công bố chính sách và thực hành mô tả nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững đã tăng hơn 3% (với tổng cộng 219 doanh nghiệp có báo cáo trong năm 2019).

⁸ Xin tham khảo bộ tiêu chí đánh giá ở Phụ lục báo cáo này.

Bên cạnh đó một số DNNY Việt Nam đã có các báo cáo phát triển bền vững được đánh giá có nội dung tốt, tuy nhiên các báo cáo này chưa theo các chuẩn mực quốc tế, là điều đáng tiếc, vì điều này hạn chế DN, không giúp DN được đánh giá cao bởi các quỹ đầu tư quốc tế. Các quỹ đầu tư ngày càng chú trọng hơn khi thiết lập danh mục đầu tư, và có thể chọn các DN có ý thức tốt về phát triển bền vững thay vì các doanh nghiệp xem nhẹ các vấn đề này. Cuối cùng thì tinh thần công bố thông tin với các hoạt động thiết thực đề cao vai trò và trách nhiệm của công ty đối với các bên có liên quan hướng đến phát triển bền vững đã thực sự được ghi nhận thông qua giá trị thị trường của cổ phiếu cao của các DN có báo cáo tốt về khía cạnh này. Các công ty có chất lượng báo cáo tốt về vai trò đối với phát triển bền vững là các công ty có giá cổ phiếu cao hơn mức trung bình.

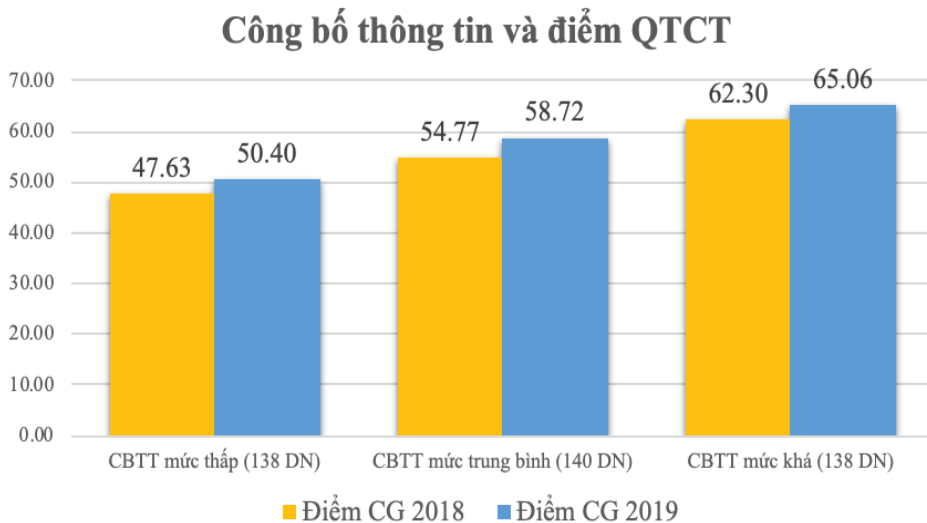


Hình 1.8: Trách nhiệm với các bên liên quan và giá trị thị trường

6. MINH BẠCH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Với khoảng 750 DN niêm yết – là nhóm DN đại diện cho nhóm DN đại chúng tiến bộ của Việt Nam, với tổng vốn hoá thị trường vào 31/10/2019 đạt 153 tỷ đô la Mỹ, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa được nâng lên mức hạng thị trường mới nổi. Đây là một điều đáng tiếc ngăn cản thị trường phát triển nhanh, mạnh, thu hút mạnh mẽ lượng vốn dồi dào chi phí thấp từ các thị trường vốn phát triển. Một trong các trở ngại lớn trong lộ trình được nâng hạng thị trường là các thực hành quản trị liên quan đến bảo vệ quyền cổ đông vẫn chưa được tôn trọng đúng mức, với chất lượng công bố thông tin tiếng Anh rất hạn chế. Dự án đánh giá QTCT khu vực ASEAN qua các năm ghi nhận số lượng DNNY công bố tài liệu cổ đông bằng tiếng Anh chỉ ở mức 10% các DNNY trên toàn thị trường. Đối với các DN có công bố tài liệu tiếng Anh thì chỉ có báo cáo thường niên là có lượng thông tin công bố khá tương đồng giữa tiếng Anh và tiếng Việt, còn website công ty và các thông tin thời sự hơn của DN thì cổ đông nước ngoài rất khó nắm bắt thông tin do khan hiếm thông tin về DN.

Mặc dù công bố thông tin bằng tiếng Anh vẫn chưa có cải thiện tốt thì công bố thông tin tiếng Việt cho cổ đông qua các kết quả đánh giá của giải thưởng DNNY Việt Nam năm 2019 này đã ghi nhận tiến bộ nhất định trong một số lĩnh vực. Công bố thông tin sở hữu của cổ đông lớn (tỉ lệ DN công bố tăng 8.4% (câu 27)), công bố thông tin về cơ cấu sở hữu của công ty, và công bố thông tin về tính độc lập của thành viên HĐQT (tăng thêm 14% DN có công bố, đạt tổng cộng 171/416 DN công bố (câu 29)). Công bố báo cáo tài chính năm và bán niên đúng hạn cũng là một tiến bộ. Một điểm tiến bộ nữa là có nhiều hơn các công ty đã công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu, cũng như công bố tên, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu (có 92% doanh nghiệp đã thực hiện công bố). Công bố thông tin và minh bạch là điều kiện tiên quyết giúp xây dựng lòng tin trong nhà đầu tư, quan trọng hơn đó là công bố thông tin là điều cần để các thực hành quản trị tiên bộ của doanh nghiệp có cơ hội được giới thiệu cho công chúng, nhà đầu tư. Do vậy các DN có công bố thông tin tốt cũng là các doanh nghiệp có được kết quả tốt hơn trong kết quả đánh giá QTCT của doanh nghiệp theo Hình 1.9.

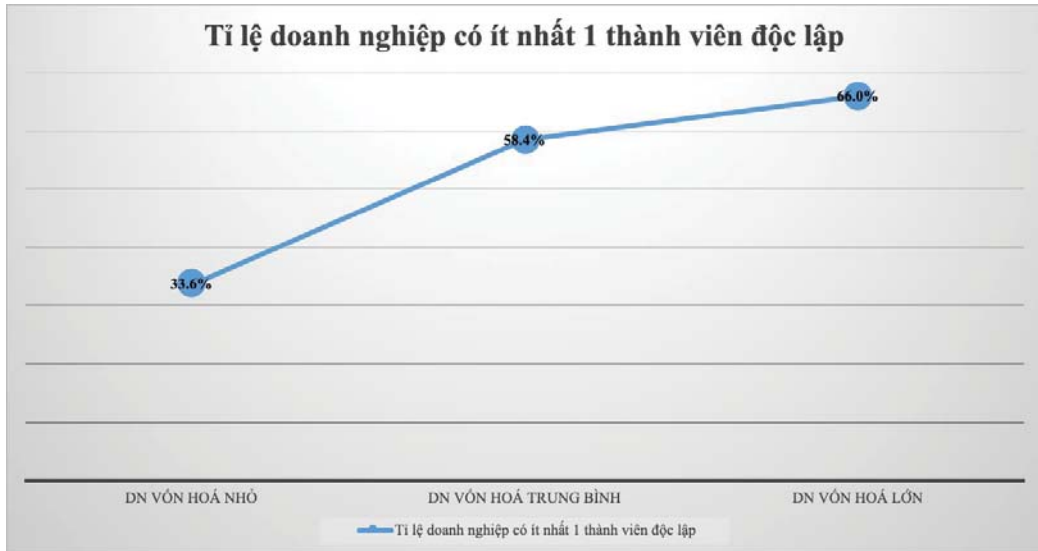


Hình 1.9: Mức độ công bố thông tin và điểm QTCT

7. TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những điểm nhấn trong thời gian qua liên quan đến nâng cao vai trò trách nhiệm của HĐQT đã được các DN tập trung vào các khía cạnh như nâng cao tính đa dạng của hội đồng quản trị và tái cấu trúc hiệu quả quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên trong HĐQT. Mở đầu là các khuyến nghị gợi mở từ Luật doanh nghiệp khuyến nghị DN về việc DN có thể áp dụng mô hình UBKT thuộc hội đồng quản trị. Kết quả đánh giá đã ghi nhận có sự gia tăng đáng kể số DNNY áp dụng mô hình này trong đợt khảo sát năm 2019. Cụ thể có 54 DNNY trong bộ chỉ số VNX Allshare đã có UBKT thuộc hội đồng quản trị so với 38 DNNY áp dụng mô hình này năm ngoái. UBKT thuộc HĐQT là mô hình tiên bộ giúp nâng cao năng lực của HĐQT trong kiểm tra, giám sát điều hành doanh nghiệp thông qua chức năng chuyên trách về kiểm toán, quản trị rủi ro của UBKT.

Kể đến là các qui định của luật DN 2014 đã vào thời gian hiệu lực nên có nhiều hơn các doanh nghiệp đã đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập của HĐQT trên nhiều phương diện. Cụ thể đã có gần 73% DN tách bạch hai chức danh Chủ tịch và Tổng giám đốc, trong đó có 8 DN có Chủ tịch là thành viên độc lập. Về tỉ lệ DN đáp ứng yêu cầu có 1/3 thành viên HĐQT độc lập thì đây vẫn còn là một thách thức với chỉ đạt 18.51% (câu 45) DN đáp ứng.



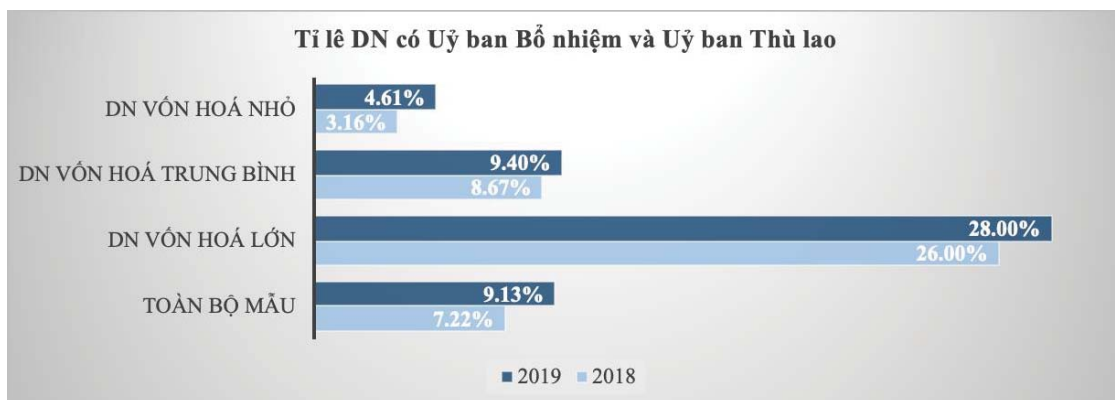
Hình 1.10: Giới thiệu thành viên độc lập vào HĐQT

Cụ thể hơn, tình hình bổ nhiệm ít nhất một thành viên HĐQT độc lập trong các doanh nghiệp hiện nay vẫn chưa cao, trong đó chỉ 66% doanh nghiệp vốn hoá lớn có một thành viên HĐQT độc lập, chỉ có 58,4% DN vốn hoá trung bình và 33,6% DN vốn hoá nhỏ có một thành viên HĐQT độc lập.

Về phân công quyền hạn trách nhiệm chuyên trách trong HĐQT thì DN đã có nhận thức tốt hơn về việc thành lập các uỷ ban chuyên trách. Lợi ích đem lại từ việc có các uỷ ban chuyên trách cho phép HĐQT thực thi tốt hơn các trách nhiệm uỷ thác của mình. Kết quả đánh giá năm 2019 cho thấy các HĐQT có các uỷ ban chuyên trách (bổ nhiệm và thù lao) có thể thực thi trách nhiệm của mình tốt hơn, giúp chất lượng quản trị của DN tốt hơn. Nhóm DN có các uỷ ban chuyên trách tăng lên qua hai năm; và điểm QTCT của nhóm các DN có hai uỷ ban chuyên trách cũng cao hơn nhóm chỉ có một hoặc không có uỷ ban chuyên trách.

	2018	2019
Nhóm có 2 uỷ ban chuyên trách		
Điểm QTCT	63.1	65.6
Số lượng công ty	35	38
Tỉ lệ	7.2%	9.1%
Nhóm có 1 uỷ ban chuyên trách		
Điểm QTCT	61.9	61.7
Số lượng công ty	23	24
Tỉ lệ	4.7%	5.8%
Nhóm chưa có uỷ ban chuyên trách		
Điểm QTCT	53.8	57.0
Số lượng công ty	427	354
Tỉ lệ	88.0%	85.1%

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng do công nghệ, các mô hình kinh doanh mới dựa vào công nghệ nhanh chóng phát triển, phá vỡ các cấu trúc kinh doanh trong các ngành nghề truyền thống, vai trò và trách nhiệm của HĐQT ngày càng lớn trong việc xây dựng một chiến lược phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi HĐQT có đủ tầm nhìn và năng lực. Trong bối cảnh đó tính đa dạng của HĐQT thể hiện qua đa dạng chuyên môn, kinh nghiệm, kiến thức lĩnh vực, năng lực công nghệ, bề dày kinh nghiệm trở nên rất quan trọng. Vai trò của uỷ ban Bổ nhiệm trong HĐQT là rất quan trọng trong việc xác định một bộ tiêu chuẩn đề cử nhân sự lãnh đạo phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Các tiêu chuẩn thành viên HĐQT quy định trong luật định là chưa đủ. Cổ đông kỳ vọng uỷ ban bổ nhiệm có những phân tích thấu đáo, chỉ ra những thách thức đối với doanh nghiệp, từ đó đề xuất các tiêu chuẩn thành viên HĐQT cao hơn luật định, đảm bảo có đủ năng lực, phẩm chất, tầm nhìn dẫn dắt doanh nghiệp đạt được các mục tiêu phát triển cụ thể trong giai đoạn tới. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng trong tuyển chọn nhân sự lãnh đạo cho doanh nghiệp chưa được các DN lưu tâm chú ý. Kết quả đánh giá QTCT năm 2019 cho thấy hầu hết DN chưa xây dựng các tiêu chuẩn chọn lựa thành viên HĐQT cao hơn luật định theo hướng là chỉ ra các kinh nghiệm, chuyên môn cụ thể, hoặc các đặc điểm cụ thể phù hợp với các mục tiêu phát triển trong dài hạn của doanh nghiệp.



Hình 1.11: Tỉ lệ doanh nghiệp có các Ủy ban Bổ nhiệm và Thù lao qua hai năm 2018-2019

Việc chỉ định người phụ trách quản trị công ty là một trong những yêu cầu mới của Nghị định 71, theo đó cho thấy HĐQT rất cần có một người có thể hỗ trợ HĐQT thực thi hiệu quả vai trò và trách nhiệm của mình. Sự thành công trong một năm hoạt động của HĐQT phụ thuộc không nhỏ vào vai trò hỗ trợ quan trọng của người phụ trách quản trị công ty, từ đó giúp quản trị công ty trong năm có thể đạt hiệu quả tốt. Trong công tác đánh giá năm 2019 hội đồng đánh giá có gặp một số khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin này, vì các yêu cầu công bố thông tin hiện nay chưa yêu cầu DN phải công bố thông tin người phụ trách quản trị công ty. Công ty có thể cải thiện vấn đề này để đáp ứng thông lệ tốt bằng cách nêu tên người phụ trách quản trị công ty trong báo cáo thường niên hoặc báo cáo quản trị công ty.

Bộ qui tắc ứng xử/ bộ qui tắc đạo đức (Code of Conducts/ Code of Ethics) của công ty là một trong những thông lệ tốt quan trọng cần được doanh nghiệp chú ý thực hiện. Hiện nay đa số doanh nghiệp xây dựng Sổ tay văn hoá giúp nâng cao nét đẹp của cán bộ, nhân viên công ty trong môi trường công sở, giúp phục vụ khách hàng theo cung cách hiện đại, chuyên nghiệp hơn. Tuy nhiên các Sổ tay văn hoá vẫn chưa đem lại đủ các giá trị mà Bộ qui tắc ứng xử hoặc Bộ qui tắc đạo đức hướng tới, đó là các cam kết của toàn bộ cán bộ nhân viên công ty, từ cấp lãnh đạo cao nhất đến cán bộ nhân viên trong công ty không vi phạm các qui định ứng xử, đạo đức, không gian lận, tham nhũng, không trục lợi cá nhân làm phương hại đến giá trị công ty, giá trị cổ đông, giá trị của tất cả các bên có liên quan. Bộ qui tắc đạo đức cần thiết lập cơ chế giám sát, có kênh cho phép phản hồi báo cáo vi phạm, có cơ chế răn đe xử phạt tương xứng. Kết quả đánh giá cho thấy chỉ có 3% doanh nghiệp có xây dựng Bộ qui tắc ứng xử, đạo đức.

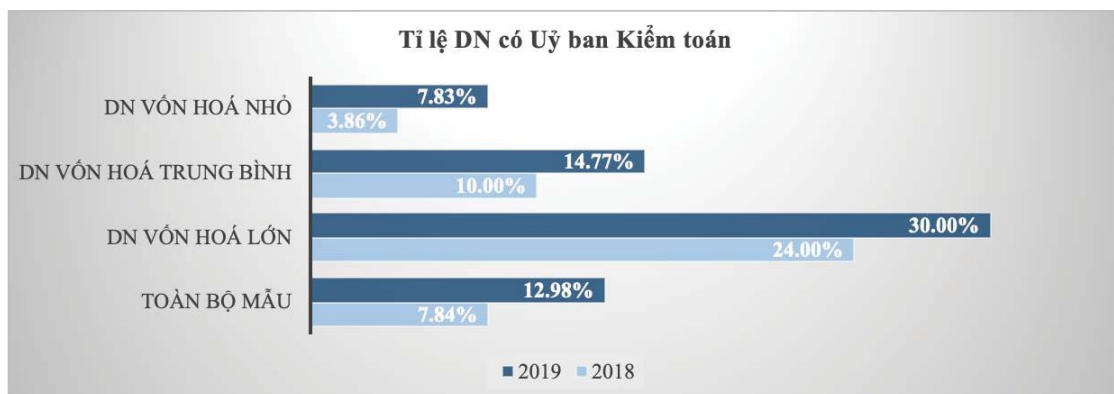
Sự kiêm nhiệm các vị trí lãnh đạo khác tại các doanh nghiệp khác vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho thành viên HĐQT trong việc thực thi vai trò trách nhiệm đã cam kết với công ty và cổ đông. Đây là cơ hội cho phép HĐQT được cọ xát nhiều hơn, nhưng cũng là thách thức do phải dành nhiều thời gian cho các công việc tại các DN khác và ảnh hưởng tính cam kết của thành viên HĐQT đối với công ty. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp các vai trò kiêm nhiệm gây phát sinh mâu thuẫn lợi ích. Do vậy Nghị định 71 có qui định chỉ cho phép tối đa 5 vị trí lãnh đạo khác được thành viên HĐQT nắm giữ. Tuy vậy, việc công bố thông tin các vị trí lãnh đạo khác lại chưa được

thực hiện tốt. Thông tin kiêm nhiệm cần được ghi ròi tách ra một mục riêng trong nội dung giới thiệu các thành viên HĐQT, trong đó nêu rõ tên công ty, phân loại công ty niêm yết hay không niêm yết, và nêu rõ chức danh lãnh đạo đang nắm giữ. Việc công bố thông tin rõ ràng cũng thể hiện tính chính trực, minh bạch của từng thành viên HĐQT.

8. VAI TRÒ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Một trong các chỉ báo quan trọng của năng lực quản trị là khả năng kiểm soát rủi ro trong triển khai chiến lược và trong vận hành doanh nghiệp. Do vậy chức năng quản trị rủi ro thông qua công tác kiểm toán được đề cao trong việc thực thi vai trò trách nhiệm của HĐQT. Luật doanh nghiệp 2014 đã khuyến nghị thành lập UBKT thuộc HĐQT; Bộ nguyên tắc QTCT Việt Nam khuyến nghị toàn bộ các thành viên của UBKT phải là thành viên không điều hành, với đa số là thành viên độc lập. Tiêu chí thể điểm quản trị công ty của ASEAN khuyến nghị đa số thành viên UBKT là độc lập trong đó Chủ tịch UBKT là độc lập. Có thể thấy mô hình quản trị với UBKT thuộc HĐQT cho phép chức năng kiểm toán duy trì tính độc lập cao, đảm bảo đáp ứng được vai trò giám sát độc lập của HĐQT. Nhìn lại việc thực thi các quy định này thông qua kết quả đánh giá năm 2019 cho thấy việc xây dựng UBKT thuộc HĐQT chưa được đa số DN áp dụng, mô hình BKS truyền thống vẫn chiếm đa số. Chỉ có gần 13% DN thành lập UBKT thuộc HĐQT, trong đó nhóm DN lớn tỉ lệ thành lập UBKT là 30% số DN, gần 15% DN qui mô vừa áp dụng mô hình này, và chỉ gần 8% DN qui mô nhỏ áp dụng mô hình UBKT.

Tỉ lệ áp dụng mô hình tiến bộ này trong nhóm DN vốn hoá lớn cao hơn đáng kể so với DN trong hai nhóm vốn hoá còn lại; và đã có sự tiến bộ đáng kể qua hai năm 2018 và 2019 khi số lượng DN áp dụng mô hình này tăng lên nhanh chóng.



Hình 1.12: Tỉ lệ doanh nghiệp có Ủy ban kiểm toán qua hai năm 2018-2019

Thêm vào đó, Nghị định 05/2019/NĐCP quy định về chức năng nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ, là một cánh tay nối dài của UBKT giúp UBKT thực thi các trách nhiệm kiểm soát hoạt động điều hành doanh nghiệp. Theo nghị định này, công tác kiểm toán nội bộ bắt buộc được thực hiện tại các DN niêm yết kể từ năm 2021. Vậy có thể nói, những bước tiến về định chế đối với

chức năng kiểm toán bên trong của doanh nghiệp đã được cải thiện rõ rệt trong những năm vừa qua.

Vai trò trách nhiệm của kiểm toán độc lập đã được qui định rõ, tuy nhiên hàng năm cổ đông vẫn cần có những thông tin khách quan mà HĐQT cung cấp đánh giá việc thực thi vai trò kiểm toán độc lập bên ngoài này. UBKT hoặc BKS có vai trò đánh giá chất lượng của kiểm toán độc lập bên ngoài. BKS/UBKT các DN chưa nhận thấy rõ vai trò này và thiếu sót không đưa vào nội dung báo cáo các đánh giá của mình về thực thi trách nhiệm, vai trò, hoạt động của kiểm toán độc lập đã thực hiện trong năm. Ngoài ra thông tin về tính độc lập của kiểm toán cũng cần được nêu rõ thông qua việc cung cấp thông tin về các dịch vụ phi kiểm toán mà công ty kiểm toán độc lập cung cấp bên cạnh dịch vụ kiểm toán. Cổ đông quan tâm liệu tính độc lập của kiểm toán có bị ảnh hưởng khi cùng lúc cung cấp các dịch vụ khác cho công ty hay không. Việc công bố thông tin về khía cạnh này là quan trọng và cần thiết.

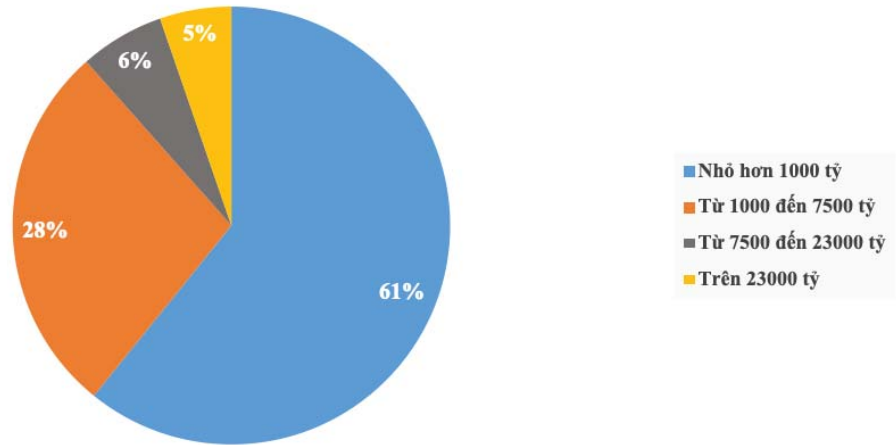
PHẦN 2. CÁC PHÂN TÍCH TỔNG QUAN

Phương pháp chọn mẫu

Nhằm mục đích mang lại các phân tích mang tính đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam, mẫu đánh giá QTCT trong năm 2019 là các DNNY trên hai sàn chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội đáp ứng các tiêu chí về vốn hoá, tỉ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản và đã được chọn vào danh mục của chỉ số VNX Allshare kỳ tháng 04 năm 2019. Cơ sở chọn các doanh nghiệp trong VNX Allshare để đánh giá nhằm phù hợp với thông lệ tốt, qua đó sẽ cung cấp cho thị trường những thông tin cơ sở về hình ảnh chất lượng quản trị của các DNNY Việt Nam, song song đó cung cấp thông tin cho việc xây dựng các khuyến nghị để tiếp tục thúc đẩy thị trường hướng đến các chuẩn mực QTCT tốt, các chuẩn mực phát triển bền vững tạo ra thị trường minh bạch thu hút đầu tư cho DNNY Việt Nam.

Danh sách các DNNY đánh giá năm 2019 bao gồm 416 DNNY của VNX Allshare được bao gồm trong rổ chỉ số vào thời điểm 30/3/2019 (cho rổ chỉ số VNX kỳ tháng 4/2019). Phân nhóm theo qui mô vốn hoá, mẫu đánh giá gồm 416 DNNY này được phân thành 3 nhóm: Nhóm DNNY có qui mô lớn (gồm 50 DN), Nhóm DNNY có qui mô vừa (gồm 149 DN); và Nhóm DNNY có qui mô nhỏ (gồm 217 DN còn lại).

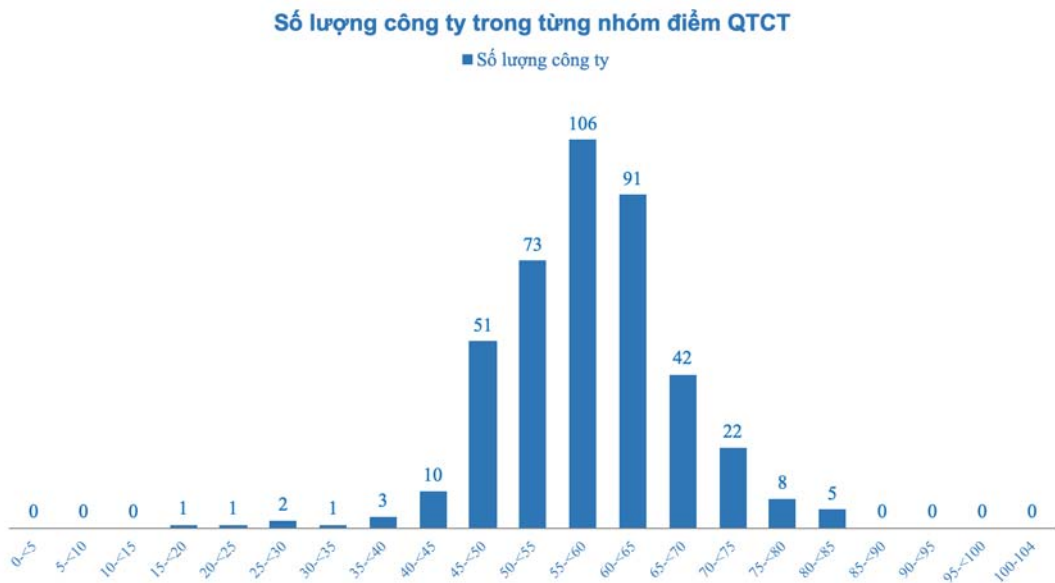
DN được đánh giá phân theo qui mô



Hình 2.1: Phân bố mẫu các doanh nghiệp được đánh giá theo qui mô vốn hoá

Phân bố điểm QTCT của các DNNY Việt Nam

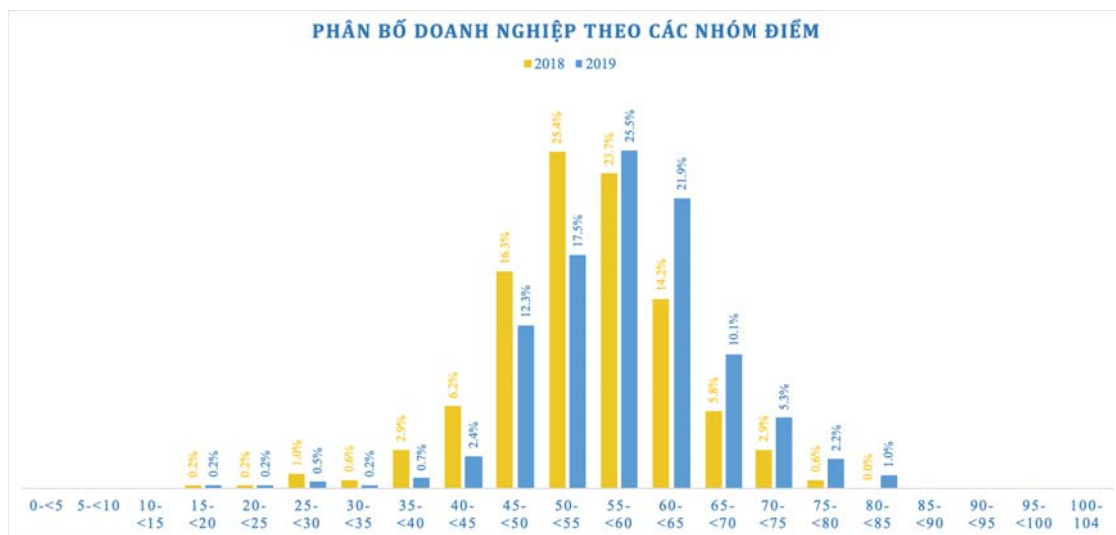
Biểu đồ phân bố điểm QTCT cho thấy một bức tranh tổng quát về tình hình đáp ứng chuẩn mực đánh giá QTCT theo bộ tiêu chí QTCT của Việt Nam (VCGS) năm 2019.



Hình 2.2: Phân bố số lượng doanh nghiệp ở các mức điểm QTCT từ thấp đến cao

Hình 2.2 Phân bố số lượng doanh nghiệp ở các mức điểm QTCT từ thấp đến cao cho thấy với thang điểm đánh giá [0 - 104] thì phần lớn DN đạt điểm trong khoảng 50 -70 điểm. Có tổng cộng 312 DN đạt mức điểm từ 50 đến 70 điểm, chiếm 75% tổng số DN được đánh giá. Số DN đạt điểm trên 70 điểm là 35 DN chiếm gần 8.5% tổng số DN được đánh giá. Nhóm doanh nghiệp có điểm cao nhất nằm ở khoảng điểm 75-85 điểm.

Tuy nhiên tình hình thực hành QTCT 2019 đã có nhiều cải thiện so với năm 2018. Hình vẽ 2.3 cho thấy tỉ lệ các doanh nghiệp đi đầu (trên 70 điểm) đã tăng từ 3.5% lên 8.4%, đồng thời tỉ lệ nhóm doanh nghiệp đáng khen (từ 60 – 70 điểm) tăng từ 20% lên 32% cho thấy các công ty đã nỗ lực cải thiện những thiếu sót trong QTCT năm ngoái đồng thời phản ánh danh sách VNX Allshare có sự sàng lọc cách chọn doanh nghiệp hơn trước. Mặc dù vậy vẫn chưa có công ty nào đạt được trên 85 điểm cho thấy DN tốt nhất của Việt Nam vẫn còn gặp nhiều vấn đề chưa thể giải quyết được trong thực hành QTCT để có thể đáp ứng thông lệ tốt quốc tế đặt ra.



Hình 2.3: So sánh tỉ lệ doanh nghiệp theo điểm QTCT qua hai năm 2018-2019

Kết quả này cho thấy việc đáp ứng tốt QTCT theo tiêu chuẩn thẻ điểm QTCT của Việt Nam (VCGS) mặc dù có nhiều cải thiện hơn so với năm trước nhưng vẫn còn là thách thức đối với đa số DNNY hiện nay. Trong số các DN được đánh giá, điểm cần lưu ý là số lượng DN đạt điểm dưới trung bình vẫn còn đáng kể, là 69 DN (chiếm hơn 16.6% các DN được đánh giá) nên cần những biện pháp chế tài để các doanh nghiệp trong VNX Allshare tuân thủ tốt hơn QTCT để đảm bảo thị trường có thể phát triển bền vững.

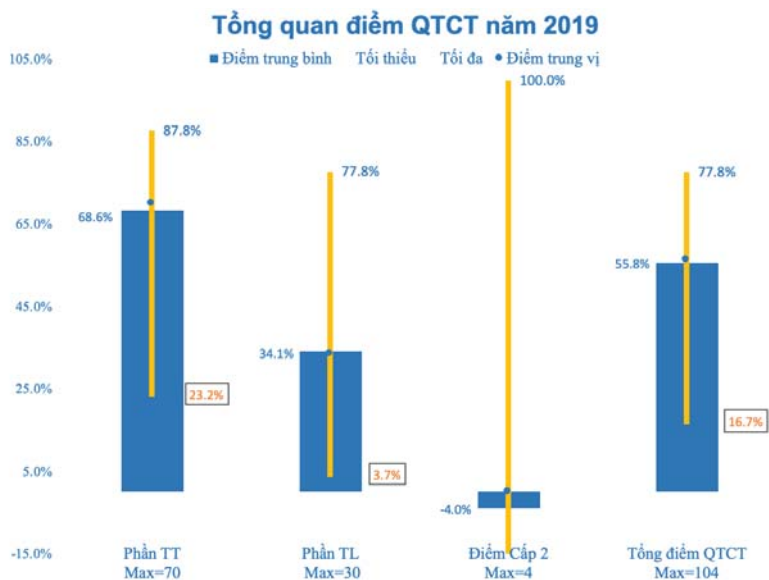
Đánh giá thực thi quản trị công ty theo qui định và thông lệ tốt

Nhằm đánh giá khái quát cho tình hình thực thi quản trị công ty thì việc phân tích thực thi QTCT theo hai chuẩn mực quản trị luật định (các câu hỏi Tuân thủ trong thẻ điểm) và chuẩn mực quản trị tiên bộ (các câu hỏi Thông lệ trong thẻ điểm) sẽ đem lại một góc nhìn khác về khả năng đáp ứng của DN theo các chuẩn mực này. Bảng 2.1 trình bày điểm Tuân thủ và Thông lệ theo mức điểm đạt được trong năm nay. Hình 2.3 trình bày biểu đồ tỉ lệ đáp ứng (theo %) mức điểm tối đa cho tính chất tuân thủ và thông lệ.

Bảng 2.1: Điểm QTCT – Phân theo câu tuân thủ và thông lệ.

	Phần TT Max=70	Phần TL Max=30	Điểm Cấp 2 Max=4	Tổng điểm QTCT Max=104
Điểm trung bình	48.0	10.2	-0.2	58.1
Điểm thấp nhất	16.2	1.1	-5.0	17.3
Điểm cao nhất	61.5	23.3	4.0	80.9
Điểm trung vị	49.0	10.0	0.0	58.3

Điểm trung bình QTCT của toàn bộ các DN được đánh giá đạt 58.1 điểm, tức đạt 55.3% so với thang điểm tối đa có thể đạt được (điểm tối đa là 104 điểm) tăng hơn 3 điểm so với năm trước. Song song đó, doanh nghiệp có điểm QTCT cao nhất là 80.9 điểm (đạt 77.8% thang điểm tối đa) và doanh nghiệp có điểm QTCT thấp nhất là 17.3 điểm (đạt 16.7% thang điểm tối đa) cũng đều cao hơn năm trước. Các giá trị điểm cao nhất, thấp nhất và giá trị điểm trung vị được thể hiện trong Hình 2.4 trên đường kẻ màu vàng. Những điều này cho thấy các DNNY của bộ chỉ số VNX Allshare đã có nỗ lực cải thiện việc thực thi QTCT hơn so với năm trước.



Hình 2.4 Tổng quan tỉ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT phân theo các yêu cầu Tuân thủ và Thông lệ

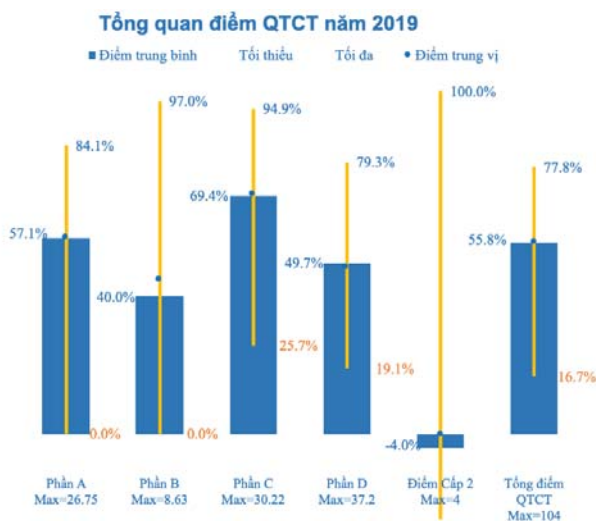
Chi tiết hơn, DNNY đạt được điểm trung bình là 48.0 điểm cho phần Tuân thủ, tức đạt được 68.6% yêu cầu tuân thủ (phần Tuân thủ có điểm tối đa là 70 điểm). Mặc dù điểm có tăng hơn so với năm trước tuy nhiên mức độ hiện tại vẫn còn thấp chưa thể đáp ứng các thông lệ quốc tế tốt. Ngoài ra, các DNNY chỉ đạt được 10.2 điểm cho phần Thông lệ, tức đạt được 34.2% yêu cầu của thông lệ tốt (phần Thông lệ có điểm tối đa là 30 điểm) cho thấy các DNNY còn rất yếu trong việc đáp ứng các thông lệ quản trị tốt, do vậy cần nỗ lực rất nhiều cho việc thực thi chuẩn mực quản trị tiền bộ.

Ở các tiêu chuẩn cấp 2 – đáp ứng thông lệ tốt, kết quả cho thấy có doanh nghiệp đáp ứng được cao nhất các yêu cầu thông lệ tốt và đạt 4 điểm, có doanh nghiệp bị mất nhiều nhất là 5 điểm do vi phạm các lĩnh vực trọng yếu. Trung bình các doanh nghiệp mất 0.2 điểm ở phần tiêu chí cấp 2 này. Đây là phần mà các DNNY hầu như không có cải thiện so với năm trước, điều này cho thấy đây là những thực hành quản trị khó đạt được đối với các DNNY hiện nay, do tiêu chuẩn này hầu như chỉ có những DNNY có vốn hóa lớn, có cam kết cao mới có khả năng thực hiện để đáp ứng tiêu chí quản trị hướng đến phát triển bền vững.

Đánh giá chi tiết từng lĩnh vực quản trị công ty theo nguyên tắc G20/OECD

Biểu đồ điểm từng lĩnh vực QTCT cho thấy tình hình thực thi QTCT theo từng nguyên tắc QTCT của G20/OECD, và phân theo 2 cấp độ đánh giá. Gồm câu hỏi cấp 1 chia thành các nhóm nguyên tắc:

- Phần A - Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông, với số điểm tối đa đạt được là 26.7 điểm;
- Phần B - Vai trò các bên có quyền lợi liên quan, với số điểm tối đa đạt được là 8.4 điểm;
- Phần C - Công bố thông tin và tính minh bạch, với số điểm tối đa đạt được là 30.2 điểm;
- Phần D – Trách nhiệm của hội đồng quản trị, với số điểm tối đa đạt được là 37.2 điểm;
-



Hình 2.5: Tổng quan tỉ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT theo từng nguyên tắc của OECD

Kết quả đánh giá QTCT cho thấy tổng điểm QTCT trung bình các DNNY đạt 55.8% tổng điểm, tăng lên so với mức đạt 52.2% trong năm 2018. Các giá trị tỉ lệ đạt cao nhất, tỉ lệ đạt thấp nhất và tỉ lệ đạt trung vị được thể hiện trong Hình 2.5 trên đường kẻ màu vàng. Trong đó ở phần câu hỏi cấp 1, Phần A - Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông trung bình các doanh nghiệp đạt 57.1% các yêu cầu (tăng lên so với mức đạt 55.2% trong năm 2018), với công ty có điểm cao nhất đạt 84.1% yêu cầu.

	Phần A Quyền cổ đồng Max=26.8	Phần B Bên liên quan Max=8.6	Phần C Công bố thông tin Max=30.2	Phần D Trách nhiệm HDQT Max=37.2	Điểm Cấp 2 Max=4.0	Tổng điểm QTCT Max=104.0
Điểm trung bình	57.1%	40.0%	69.4%	49.7%	-4.0%	55.8%
Điểm thấp nhất	0.0%	0.0%	25.7%	19.1%	-125.0%	16.7%
Điểm cao nhất	84.1%	97.0%	94.9%	79.3%	100.0%	77.8%
Điểm trung vị	57.4%	45.1%	69.9%	48.7%	0.0%	56.0%

Về vai trò các bên có quyền lợi liên quan (Phần B), các công ty đạt trung bình 40.0% yêu cầu, tăng lên so với mức 36.2% trong năm 2018. Công ty có điểm cao nhất đạt 97.0% yêu cầu.

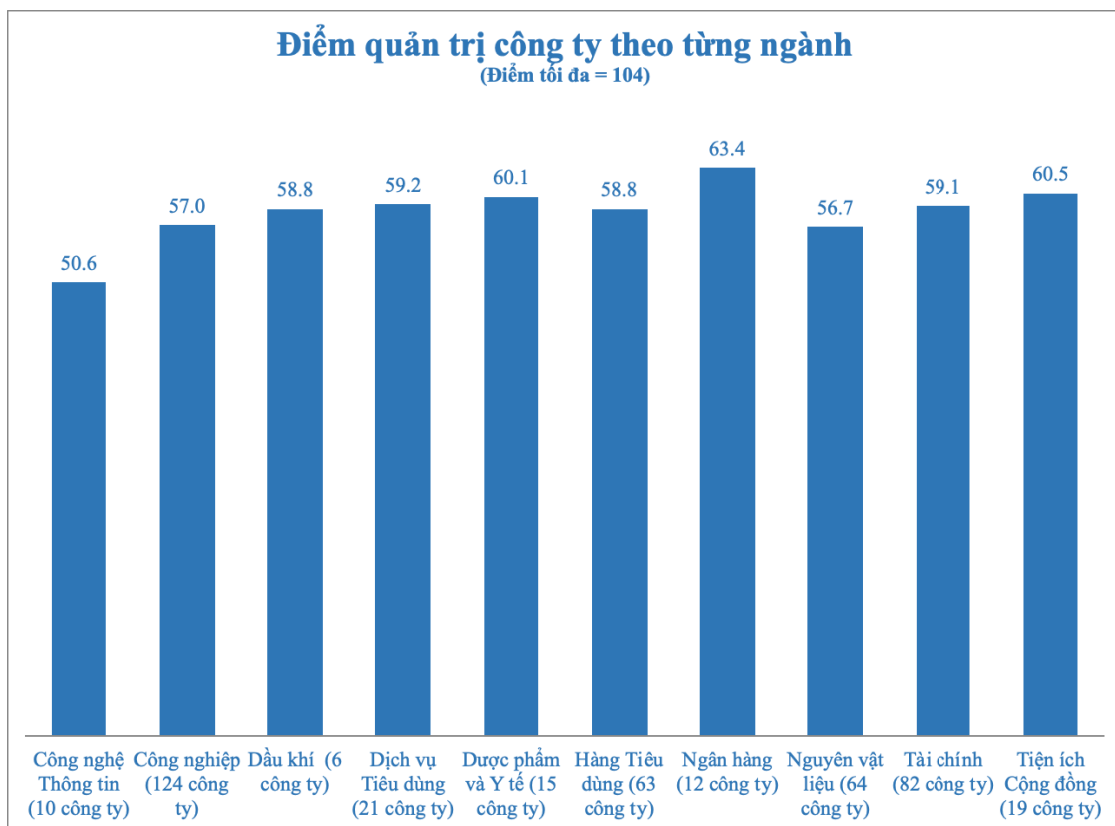
Về Công bố thông tin và tính minh bạch (Phần C), các công ty đạt trung bình 69.4% các yêu cầu (tăng lên so với mức 64.5% trong năm 2018), công ty đạt điểm cao nhất đáp ứng được 94.9% các yêu cầu, công ty đạt điểm thấp nhất đạt 25.7% các yêu cầu.

Về khía cạnh Trách nhiệm của hội đồng quản trị (Phần D), các công ty đạt trung bình 49.7% các yêu cầu (tăng lên so với mức đạt trung bình là 46.4% trong năm 2018), công ty đạt điểm cao nhất đáp ứng được 79.3% các yêu cầu, công ty đạt điểm thấp nhất đạt 19.1% các yêu cầu.

Kết quả đánh giá chung mặt bằng các doanh nghiệp cho thấy mức độ đáp ứng các nguyên tắc quản trị công ty còn khá khiêm tốn. Mặc dù có nhiều doanh nghiệp đã thực thi quản trị tốt và đạt được các kết quả đánh giá cao trong từng lĩnh vực, tuy nhiên việc nâng cao thực hành quản trị tốt trên toàn thị trường, ở tất cả các lĩnh vực quản trị công ty, và tại tất cả các doanh nghiệp niêm yết vẫn cần nhiều nỗ lực phía trước. Để có thể được nhận diện tốt trong khu vực và quốc tế như là một cơ hội đầu tư hiệu quả và có chất lượng, an toàn, lành mạnh, minh bạch, DNNY cần cố gắng nhiều hơn để đáp ứng được các nguyên tắc quản trị công ty tốt của nhà đầu tư quốc tế mới có thể thu hút được vốn đầu tư dồi dào.

Quản trị công ty theo lĩnh vực ngành nghề

Mẫu doanh nghiệp được phân theo lĩnh vực kinh doanh theo phân cấp cấp 1 với phân ngành được lấy theo tiêu chuẩn phân ngành ICB (Industry Classification Benchmark). Theo đó, doanh nghiệp được phân thành 10 lĩnh vực.



Hình 2.6: Điểm QTCT trung bình của từng lĩnh vực

Kết quả cho thấy ngành Ngân hàng đã bứt lên dẫn đầu với điểm trung bình là 63.4/104 điểm. Năm 2018 đánh dấu việc có thêm những ngân hàng lớn được niêm yết, đã tạo ra cuộc cạnh tranh giữa các ngân hàng với nhau buộc các DN trong nhóm ngành này phải nâng cao QTCT theo hướng chuyên nghiệp hơn để có thể cạnh tranh trong thị trường ngày càng khốc liệt. Qua đó cũng giúp ngành ngân hàng càng ngày chuẩn hóa QTCT hơn thể hiện qua điểm số trung bình cao nhất trong các ngành. Các khía cạnh đáp ứng tốt như công bố thông tin sở hữu, công bố thông tin giao dịch bên liên quan, có lập các báo cáo phát triển bền vững theo các tiêu chí quốc tế.

Tiếp đến là các ngành Tiện ích công cộng, Dược phẩm y tế, Dịch vụ tiêu dùng. Tuy nhiên mức chênh lệch điểm của các ngành này không nhiều cho thấy mức độ QTCT khá tương đồng nhau, tuy nhiên do còn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện chuẩn mực quản trị tiên bộ nên các câu hỏi thông lệ chưa được đáp ứng tốt.

Trong các ngành nghề thì Công nghệ thông tin thực hiện việc QTCT chưa được tốt, với mức điểm trung bình 50.6 điểm. Nhóm ngành này tập trung nhiều doanh nghiệp có vốn hóa nhỏ chưa có nhiều năng lực trong việc thực hiện QTCT, cần nỗ lực thêm nhiều để có thể sánh vai cùng các ngành khác. Ngành có mức điểm thấp nhất là ngành nguyên vật liệu với 56.7/104 điểm.

PHẦN 3. CÁC PHÂN TÍCH CHI TIẾT VÀ KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN

3.1. NHỮNG ĐIỂM THỰC HIỆN TỐT

PHẦN A QUYỀN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

❖ Tỷ lệ doanh nghiệp đáp ứng tốt các quy định và pháp luật tại Việt Nam

Công ty có thông qua tại ĐHĐCĐ hằng năm về:

94.9%

- a) Mức cổ tức cho năm vừa qua
 - b) Kế hoạch kết quả kinh doanh năm tới
- Tăng lên từ mức

92.8%

Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất

91.6%

Công ty có gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ

88.2%

Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông

85.8%

Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất

81.5%

ĐHĐCĐ thường niên của Công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn

PHẦN B VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN HỮU QUAN CHÍNH YẾU

❖ Tỷ lệ doanh nghiệp đáp ứng tốt các thông lệ quản trị quốc tế

78.9%

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên

PHẦN C CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

❖ Tỷ lệ doanh nghiệp đáp ứng tốt các quy định và pháp luật tại Việt Nam

99.0% Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm

98.5% Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện

94.7% Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng

94.2% Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Báo cáo thường niên

93.3% Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc

82.7% Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): BCTC quý, bán niên và năm gần nhất

81.5% Công ty có công bố thông tin Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn

PHẦN D TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Tỷ lệ doanh nghiệp đáp ứng tốt các quy định và pháp luật tại Việt Nam

100% Hội đồng Quản trị có đủ số lượng thành viên theo quy định

99.0% Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

94.0% Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Các kế hoạch trong tương lai

87.7% Ban Kiểm soát /Ủy ban Kiểm toán tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm

84.6% Hội đồng Quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần, và mỗi thành viên tham gia tối thiểu 3/4 cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm

❖ **Tỉ lệ doanh nghiệp đáp ứng tốt các thông lệ quản trị quốc tế**

96.6% Báo cáo của HĐQT có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/giám sát thực thi chiến lược của công ty

92.1% Sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán được công bố công khai

72.6% Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc

3.2. NHỮNG ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN TRONG CÁC LĨNH VỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHẦN A QUYỀN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

❖ Các tiêu chí có mức độ đáp ứng còn thấp mà doanh nghiệp cần cải thiện

3.6% Công ty cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (nếu có)

6.0% Công ty có quy định nội bộ về Người nội bộ/ Người có liên quan của công ty phải CBTT về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch

9.6% Tài liệu họp ĐHĐCĐ cung cấp đầy đủ thông tin về các ứng viên mới cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội

57.9% Công ty thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

77.4% Website công ty công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ (bộ tài liệu tiêu chuẩn) bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/ủy ban kiểm toán (file phải mở được, có nội dung)

77.6% Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

❖ Tỷ lệ thấp các doanh nghiệp đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế

- 0%** Công ty có áp dụng và công bố cụ thể trong biên bản ĐHĐCĐ các công nghệ thông tin hiện đại cho phép cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác
- 0.2%** Công ty xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm
- 0.5%** Công ty công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ
- 10.3%** Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông nhận được hướng dẫn để đóng góp ý kiến về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ trong thời gian trước ngày tham dự đại hội
- 12.7%** Công ty thực hiện công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ
- 55.1%** Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi trao đổi trong cuộc họp và nội dung câu hỏi cùng câu trả lời được trình bày cụ thể trong biên bản

Đánh giá và khuyến nghị

Trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam ngày càng hoàn thiện hướng tới mục tiêu nâng cao thực hành QTCT trong nước, cơ chế bảo vệ các quyền của cổ đông được thực hiện thông qua các quy định quản trị nội bộ và được đảm bảo bởi Luật Doanh nghiệp cùng các quy định pháp luật khác ngày càng đạt tiến bộ tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế trong một số khía cạnh dù đã có quy định cụ thể yêu cầu thực hiện trong các văn bản luật.

Cụ thể là nhiều trường hợp doanh nghiệp vẫn chưa cung cấp nội dung đầy đủ và kịp thời các tài liệu họp ĐHĐCĐ, trong đó thông tin chi tiết về các ứng viên mới cho Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Kiểm soát (BKS) chưa cung cấp sớm - theo yêu cầu là tối thiểu trước 10 ngày - để cổ đông đủ

thông tin và thời gian xem xét biểu quyết. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Đối với nội dung thù lao của HĐQT và BKS phải được cổ đông thông qua trong Đại hội.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần quan tâm hơn việc công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ để đảm bảo công bằng giữa mọi cổ đông, trong nước và nước ngoài, trong việc nhận được tất cả thông tin quan trọng của công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác và tạo điều kiện cho các cổ đông không quen thuộc với tiếng Việt tham gia cuộc họp hiệu quả. Trên thực tế việc cung cấp tài liệu họp ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh của các DNNY Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, như việc đăng tải muộn hơn so với tài liệu phiên bản tiếng Việt, nội dung sơ sài hơn, thiếu thông tin chi tiết so với bằng tiếng Việt. Ngoài việc tuân thủ đúng thời hạn công bố theo quy định, doanh nghiệp nên cải thiện dần công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ sớm hơn, với mốc là tối thiểu 21 trước ngày họp.

Thời hạn trả cổ tức trong vòng 06 tháng kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua vẫn còn đáp ứng khá hạn chế tuy được pháp luật quy định. Cao hơn nữa, doanh nghiệp cần nỗ lực hơn để cổ đông được nhận cổ tức đúng hạn theo quy định trong nước, cũng như hướng tới thực hành theo chuẩn mực ASEAN cao hơn, với yêu cầu là cổ tức tiền mặt phải được chi trả trong vòng 30 ngày, và cổ tức cổ phiếu phải được chi trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố cổ tức hoặc từ ngày nghị quyết đại hội thông qua cổ tức.

Khi tiến hành và thông qua các giao dịch với bên liên quan (GDBLQ) cần phải đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý chặt chẽ và hướng tới mục tiêu bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông. Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp lý về QTCT cũng quy định chặt chẽ đối với GDBLQ và ngăn ngừa xung đột lợi ích. Bên cạnh những nỗ lực của cơ quan quản lý thì bản thân doanh nghiệp phải nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định liên quan đến CBTT. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp các công ty bị UBCKNN nhắc nhở hay xử phạt vi phạm về CBTT giao dịch đối với công ty và các cá nhân liên quan. Và vẫn còn rất ít DNNY có hoặc công khai những quy định nội bộ, như quy chế công bố thông tin cụ thể yêu cầu người nội bộ/ người có liên quan của công ty phải CBTT tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty. Công ty cần công bố công khai các qui định này trên website của công ty.

Thông lệ tốt khuyến nghị công ty nên ban hành một chính sách quy định cụ thể việc xem xét và phê duyệt/ phủ quyết giao dịch với các bên liên quan. Chính sách này sẽ phân quyền rõ và hợp lý bộ phận xem xét, đánh giá sẽ là Hội đồng Quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT, và bên thực hiện phê duyệt/ phủ quyết sẽ tùy vào quy mô, sức ảnh hưởng và ngưỡng giá trị giao dịch sẽ là HĐQT hoặc là HĐQT sẽ phải trình cổ đông thông qua và thực hiện công bố thông tin về GDBLQ.

Các khía cạnh khác khuyến khích DN nên xem xét và có kế hoạch cải thiện theo thông lệ tốt trong khu vực bao gồm:

- Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Công ty bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ, ví dụ có thể là một cổ đông nhỏ tự ứng cử tham gia giám sát hoạt động của Ban kiểm phiếu.
- Công ty cần phải đảm bảo rằng có hệ thống ghi nhận khiếu nại, báo cáo sai phạm và giải quyết hiệu quả các tranh chấp xảy ra.
- Công ty nên công bố minh bạch quy trình công bằng và hiệu quả để cổ đông kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ trước khi cuộc họp diễn ra
- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có ghi nhận cho thấy việc cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi trao đổi trong cuộc họp, cũng như trình bày cụ thể nội dung câu hỏi cùng câu trả lời nhận được tại cuộc họp trong biên bản
- Cải thiện chính sách phê duyệt các giao dịch bên liên quan

PHẦN B VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN HỮU QUAN CHÍNH YẾU

❖ Các tiêu chí có mức độ đáp ứng còn thấp mà doanh nghiệp cần cải thiện

63.5% Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

❖ Tỷ lệ thấp các doanh nghiệp đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế

9.1% Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)

14.4% Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng

14.9% Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn

18.3% Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện, báo cáo những sai phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ

21.4%

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên

52.6%

Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các hoạt động bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững

Đánh giá và khuyến nghị

Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của các quốc gia, các doanh nghiệp không chỉ hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận mà còn phải có trách nhiệm hơn với môi trường, cộng đồng và xã hội. Những hướng dẫn CBTT nội dung của báo cáo thường niên về mục tiêu phát triển bền vững và báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty trong Thông tư 155/2015/TT-BTC (TT155) đóng góp một bước tiến quan trọng của Việt Nam nhằm hướng đến một thị trường tài chính bền vững. Đây cũng là lĩnh vực mà các nhà đầu tư đang rất quan tâm vì triển vọng phát triển dài hạn của công ty sẽ được trình bày rõ hơn trong báo cáo thường niên hoặc tập trung nội dung vào báo cáo phát triển bền vững thông qua sự tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, cách thức doanh nghiệp quản lý những tác động và rủi ro có liên quan đến môi trường và xã hội, cũng như các bên có lợi ích liên quan khác. Tuy nhiên, phần lớn các quy định này trong TT155 chỉ dừng lại ở mức hướng dẫn chứ chưa thật sự bắt buộc thực hiện công bố cho công ty đại chúng. Và việc đáp ứng các hướng dẫn này vẫn chưa đạt được kết quả như kỳ vọng, điển hình là vẫn còn khá nhiều các công ty chưa thể hiện báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội trong báo cáo thường niên.

Bên cạnh đó, phần lớn DNNY vẫn chưa có chính sách và thực tiễn bảo vệ môi trường gắn liền với các hoạt động, quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoặc nếu có nêu thì chỉ nêu chung chung, chưa thật sự thuyết phục đối với những đối tượng bên ngoài, nhất là nhà đầu tư quốc tế. Cũng tương tự vấn đề môi trường, các chính sách và thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi các bên quan trọng khác, như khách hàng và các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên vẫn chưa có nhiều thông tin trình bày rõ ràng từ phía các doanh nghiệp.

Theo thông lệ tốt về QTCT thì công ty cần cung cấp thông tin liên hệ để các bên có quyền lợi liên quan có thể sử dụng để thực hiện báo cáo sai phạm và các nước trong khu vực đang thực hiện rất tốt khi doanh nghiệp họ công bố rất cụ thể từ thông tin đích danh người phụ trách xử lý, thông tin liên lạc, đến nêu rõ đối tượng liên hệ dành cho bên hữu quan nào và mục đích sử dụng thông tin là cho việc báo cáo sai phạm, đồng thời khẳng định việc bảo đảm an toàn và quyền riêng tư cho người báo cáo.

Qua quan sát các tài liệu công bố thông tin của các DNNY trong khu vực, phần lớn đều có có lập và công bố báo cáo phát triển bền vững được quốc tế công nhận (Theo tiêu chuẩn GRI, báo cáo

tích hợp, SASB). Từ những quan sát trên cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam cần nỗ lực hơn rất nhiều để đạt được mức độ minh bạch hóa thông tin như các doanh nghiệp trong khu vực.

PHẦN C CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

❖ Các tiêu chí có mức độ đáp ứng còn thấp mà doanh nghiệp cần cải thiện

- 15.4%** Chi tiết tiêu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT
- 30.5%** Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc Quản trị công ty; và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ thì có công bố và giải thích rõ lý do cho mỗi vấn đề đó
- 32.9%** Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên quản lý điều hành khác (tối thiểu Kế toán trưởng) được thể hiện thành mục riêng, chi tiết tiền lương, thù lao cho từng người, trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- 41.1%** Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không?
- 57.2%** Báo cáo thường niên công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và hoặc Ban kiểm soát (nếu có)
- 62.0%** Báo cáo Thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty
- 68.7%** Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Điều lệ công ty & Quy chế QTCT
- 91.3%** Công ty có công bố thông tin về Báo cáo Tài chính năm được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét đúng thời hạn

❖ Tỷ lệ thấp các doanh nghiệp đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế

0.8%

Doanh nghiệp có công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán (phí thu được từ các dịch vụ khác mà công ty kiểm toán cung cấp) của công ty kiểm toán độc lập

57.7%

Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn

Đánh giá và khuyến nghị

Kết quả đánh giá cho thấy mức độ tuân thủ với quy định CBTT hiện hành của các DNNY Việt Nam còn giới hạn ở một số khía cạnh, chẳng hạn như thông tin về thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân sự chủ chốt trong công ty còn khá nhạy cảm và thường được xem là thông tin nội bộ hơn là thông tin công khai đối với doanh nghiệp Việt Nam. Quan sát từ các công ty đánh giá, phần lớn không công bố chi tiết và rõ từng khoản thù lao, lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong HĐQT và (hoặc) BKS mà thường chỉ công bố số tổng thù lao của từng thành viên. Hầu hết công ty chỉ công bố con số thù lao tổng của thành viên HĐQT và BKS; và đối với thông tin lương của Ban Giám Đốc/ Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác hầu hết chỉ thể hiện mỗi số tổng thu nhập của cả Ban Giám Đốc và gần như không báo cáo tại ĐHCĐ. Cũng vì lý do này mà điểm số đạt được của DN trong các phạm vi công bố thông tin thù lao thường rất thấp. Tỷ lệ các DN đạt yêu cầu công bố thông tin hoàn chỉnh về thù lao HĐQT và BKS chỉ ở mức 8.9%; và đạt yêu cầu công bố thông tin hoàn chỉnh về lương, thù lao, lợi ích khác của Ban điều hành chỉ ở mức 0.2% số DN.

Theo đó, các DNNY Việt Nam cần nhiều nỗ lực hơn nữa trong việc soạn thảo và công bố đầy đủ thông tin cần thiết để đảm bảo tính công khai, minh bạch, cũng như cung cấp những bằng chứng quan trọng cho thấy thực hành và chính sách Quản trị Công ty tốt của doanh nghiệp. Chẳng hạn thường các công ty ít đề cập tới tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị, cũng như thiếu phần tuyên bố khẳng định “Thực hiện đầy đủ quy định Quản trị công ty” hoặc có thì chỉ trình bày chung là đã thực hiện đúng các quy định về Quản trị Công ty, chưa nhận diện được các điểm mạnh, điểm yếu kém trong công tác thực hành QTCT, lý do tại sao và phương án khắc phục.

Website công ty là một trong những phương tiện CBTT hiệu quả và được hầu hết tất cả doanh nghiệp sử dụng, nhưng mức độ CBTT trên Website công ty vẫn không cao hơn so với mức độ CBTT của cùng doanh nghiệp đăng trên Website của các cơ quan quản lý, thậm chí nhiều trường hợp còn ít thông tin hơn. Điều đó được giải thích là bên cạnh gửi các thông tin theo quy định đến Sở GD&ĐT, UBCKNN và các cơ quan quản lý khác, Website công ty còn phải cung cấp điều lệ, quy chế QTCT (cập nhật mới nhất) theo yêu cầu của TT155, nhưng thực tế vẫn còn nhiều doanh nghiệp không thực hiện.

Công bố thông tin tình hình tài chính là một trong các khía cạnh quan trọng trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông đó là nắm bắt kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Năm 2019 đã ghi nhận một sự cải thiện công bố thông tin của DNNY về tình hình công bố báo cáo tài chính. Nếu như kết quả đánh giá của năm 2018 ghi nhận tỉ lệ DNNY đáp ứng công bố thông tin đúng hạn một trong các báo cáo tài chính bán niên và cuối năm là 84.3% thì năm 2019 tỉ lệ DN đáp ứng công bố thông tin đúng hạn một trong các báo cáo tài chính bán niên và cuối năm là 91.3% (tăng một tỉ lệ 8.3% so với năm trước).

Tuy nhiên, điểm lưu ý là hội đồng đánh giá QTCT của DNNY khi đánh giá tính kịp thời trong công bố BCTC bán niên và năm thì xem xét rất chặt chẽ. Cụ thể, BCTC năm được kiểm toán và BCTC bán niên được soát xét được tính phải thuộc về năm tài chính đang được đánh giá. Nếu chỉ có một trong hai báo cáo này công bố không đúng thời hạn theo Thông tư 155 nhưng xin gia hạn trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với BCTC kiểm toán hoặc 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính đối với BCTC bán niên soát xét thì DN chỉ đạt được 50% yêu cầu đánh giá. Nếu DN công bố đúng thời hạn cả hai loại báo cáo này thì mới đạt được 100% yêu cầu đánh giá. Do vậy, nếu đánh giá theo tiêu chuẩn này, tỉ lệ DN đạt yêu cầu đúng hạn công bố BCTC của cả hai báo cáo chỉ là 8.7% số DN đạt. Ngoài ra, nếu DN công bố BTCT kiểm toán kịp thời hạn công bố nhưng lại trễ hơn 10 ngày so với ngày kiểm toán ký báo cáo kiểm toán thì vẫn không đạt tiêu chuẩn công bố thông tin này. DN càng có qui mô lớn, hoạt động càng phức tạp thì việc chuẩn bị thông tin tài chính riêng và hợp nhất để báo cáo thật sự cần rất nhiều thời gian thu thập và tổng hợp dữ liệu, vì vậy có thể xảy ra trường hợp không kịp hoàn thành và CBTT đúng hạn.

Những nội dung cần chú ý cải thiện khác chính là việc cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty; về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn và thông tin lý lịch của từng thành viên HĐQT sao cho cụ thể hơn với các đặc điểm về tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết.

Thông lệ QTCT tốt khuyến nghị công ty nên có chính sách công bố thông tin do HĐQT phê duyệt để bảo đảm mọi thông tin liên quan về hoạt động của công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định pháp lý hiện hành. Công ty cần cung cấp thông tin cho thấy công ty kiểm toán đảm bảo được tính độc lập khi cung cấp dịch vụ kiểm toán. Cụ thể cần nêu rõ liệu công ty kiểm toán có thực hiện các dịch vụ phi kiểm toán hay không. Trong trường hợp công ty đã nêu rõ là công ty kiểm toán không thực hiện các dịch vụ phi kiểm toán thì thông tin đó đã đủ để đánh giá tính độc lập khách quan của công ty kiểm toán. Trường hợp công ty kiểm toán vừa cung cấp dịch vụ phi kiểm toán, việc công bố mức phí kiểm toán và phí phi kiểm toán sẽ cung cấp cho cổ đông thêm khả năng đánh giá tính độc lập của công ty kiểm toán.

PHẦN D TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Các tiêu chí có mức độ đáp ứng còn thấp mà doanh nghiệp cần cải thiện

1.4% Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm do Thành viên Độc lập đánh giá

3.1% Thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm vừa qua

4.6% Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Ủy ban Kiểm toán thực hiện đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính

5.8% Có bằng chứng cho thấy Hội đồng Quản trị thực hiện đánh giá Tổng Giám đốc/ Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc hàng năm

18.5% HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập

38.5% HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách Quản trị công ty/ Thư ký công ty

41.1% Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch ủy ban kiểm toán có chuyên môn/kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính

48.1% Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc ủy ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc

❖ Tỷ lệ thấp các doanh nghiệp đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế

1.9% Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập

3.6% Doanh nghiệp có thành viên độc lập làm Chủ tịch hai Ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Lương thưởng)

- 4.6%** Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/ Đạo đức
- 4.6%** Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch ủy ban Kiểm toán có đảm bảo tính độc lập không? (Tại Thẻ điểm QTCT Việt Nam này, hội đồng đánh giá sử dụng các yêu cầu về tính độc lập của thành viên BKS tương tự như các yêu cầu về tính độc lập qui định cho thành viên HĐQT)
- 6.3%** Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới cao hơn mức cơ bản luật định?
- 14.2%** Công ty thành lập các ủy ban sau: ủy ban chính sách phát triển, ủy ban nhân sự và ủy ban lương thưởng, Có từ 2 ủy ban thuộc HĐQT trở lên (bất kể ủy ban nào), trong đó phải có tối thiểu ủy ban nhân sự hay thù lao
- 35.1%** Công ty có công bố bằng chứng thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời không nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác
- 50.2%** Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, kế toán, kiểm soát nội bộ, vận hành, công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)
- 50.2%** Cơ cấu Hội đồng Quản trị có đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty
- 57.5%** Cơ cấu Hội đồng Quản trị có đảm bảo sự cân đối về giới

Đánh giá và khuyến nghị

❖ Vai trò HĐQT

Vai trò của HĐQT là trung tâm trong việc xây dựng khuôn khổ Quản trị công ty, định hướng chiến lược và giám sát quản trị rủi ro, giám sát bộ máy điều hành, cũng như đảm bảo trách nhiệm giải trình đối với công ty và cổ đông.

Trong vai trò giám sát ban điều hành, HĐQT cần nêu ý kiến đánh giá trong các báo cáo của mình. Thực tế cho thấy, các DNNY hầu hết công bố mục đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng Giám đốc/Giám đốc và Ban điều hành trong năm, trong đó chủ yếu đánh giá hoạt động chung của Ban điều hành và chỉ một vài trường hợp đánh giá riêng chi tiết hoạt động của Tổng Giám đốc/Giám đốc. Sự hiện diện của thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo được lợi ích của tất cả cổ đông, đảm bảo sự ra quyết định khách quan hơn đối với các vấn đề của công ty và giám sát, đánh giá năng lực hoạt động của Ban điều hành và HĐQT, thế nhưng rất ít doanh nghiệp có thành viên độc lập đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm. Kết quả tương tự thể hiện chỉ một vài công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/ Đạo đức, trong khi bộ phận của HĐQT cần phải đảm bảo xây dựng, thiết kế một Bộ Quy tắc Đạo đức phù hợp và đảm bảo việc tuân thủ Bộ Quy tắc này.

Vai trò hoạch định chiến lược và kiểm soát rủi ro thuộc về trách nhiệm trọng yếu của HĐQT dường như vẫn còn mờ nhạt khi chỉ 50% số công ty tham gia đánh giá có trình bày cách thức quản lý các rủi ro quan trọng của doanh nghiệp, chủ yếu tại các tổ chức tài chính đặc biệt và ngân hàng là những đơn vị quan tâm nhiều hơn đến hoạt động quản lý rủi ro, ngược lại vẫn còn nhiều các doanh nghiệp chưa chú trọng đến hoạt động này.

Kết quả đánh giá cũng cho kết quả không khả quan đối với các thông tin về việc tham gia các khoá đào tạo về Quản trị công ty trong năm của các thành viên HĐQT giúp phát triển kỹ năng và kiến thức của thành viên HĐQT, đây mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp, nhờ đó HĐQT sẽ có thực hành tốt hơn về vai trò và trách nhiệm của mình và sẵn sàng nâng cao, cải tiến quản trị tốt tại các doanh nghiệp.

Quy định bổ sung chức danh “Người phụ trách Quản trị công ty” tại công ty niêm yết thông qua Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã hiệu lực được 2 năm qua, ngày càng có thêm các công ty đã bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách QTCT và thực tế vị trí này có thể được xem là đảm nhận vai trò của Thư ký công ty được mô tả trong Luật Doanh nghiệp, tuy nhiên qua quan sát ghi nhận không nhiều những công ty có công bố nhân sự đảm nhiệm những vị trí này.

Trong việc thực thi các vai trò của HĐQT, vai trò của BKS hoặc Ủy ban Kiểm toán (UBKT) thuộc HĐQT rất quan trọng, vì bộ phận này có trách nhiệm giám sát, kiểm soát hoạt động và tuân thủ của doanh nghiệp, cụ thể hơn là chịu trách nhiệm giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội

bộ. Một trong các chức năng chính của BKS hoặc UBKT chính là việc giám sát hệ thống báo cáo tài chính, trong đó bằng tiêu chí đề cập tới nhiệm vụ cụ thể là đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và thẩm định báo cáo tài chính. Kết quả cho thấy việc thẩm định báo cáo tài chính được BKS/UBKT thực hiện khá tốt; tuy nhiên, trong các báo cáo của BKS/UBKT thiếu vắng các nội dung nhận xét đánh giá vai trò, trách nhiệm, chất lượng của đơn vị Kiểm toán độc lập trong năm vừa qua.

Xét thêm tiêu chí Trưởng Ban Kiểm soát/ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có chuyên môn/ kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính thì vẫn hơn nửa số trường hợp chưa đạt yêu cầu tuân thủ theo NĐ71/2017/NĐ-CP đối với Trưởng BKS trong khi xét theo thông lệ quốc tế khuyến nghị thì Chủ tịch UBKT phải có chuyên môn về tài chính. Không những vậy, các doanh nghiệp còn hạn chế công bố việc BKS hoặc UBKT có đánh giá sự phối hợp giữa BKS hoặc UBKT với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc. Lý do có thể được hiểu là các DNNY đang trong quá trình lựa chọn và chuyển đổi mô hình, thành lập UBKT thay thế BKS, sao cho phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp, nhưng thực tế các doanh nghiệp đã bắt đầu chuyển đổi mô hình UBKT nhưng chưa có quy chế hoạt động UBKT riêng, bằng chứng cho thấy là quy trình hoạt động, cơ cấu, thẩm quyền của UBKT vẫn chưa được nhiều công ty công bố và đánh giá chi tiết như hoạt động của BKS, dẫn tới hạn chế thông tin báo cáo đánh giá hoạt động của UBKT, về số lần họp, chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên UBKT...

Một trong những thông tin quan trọng mà đa số các DNNY không công khai thông tin đó là về chức vụ mà các thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các doanh nghiệp khác. Trong một số trường hợp công bố thì có các thành viên hiện đồng thời nắm giữ hơn 5 vị trí HĐQT tại các công ty khác nhau, cũng như không trình bày rõ loại hình hoạt động của các công ty này (là công ty niêm yết hay không niêm yết). Việc thực hiện công bố những thông tin này sẽ giúp cổ đông có cơ sở để đánh giá cam kết trách nhiệm của các thành viên HĐQT tại doanh nghiệp, và mức độ rủi ro tiềm tàng do mâu thuẫn lợi ích mà có thể ảnh hưởng đến tính độc lập trong các quyết định của thành viên đó trong HĐQT.

Kết quả đánh giá nêu trên đối với vai trò của HĐQT cũng một phần là do thực trạng CBTT trong các DNNY chưa thật sự tốt trong việc đáp ứng theo quy định trong nước cũng như theo thông lệ quốc tế, và đồng thời là dấu hiệu chứng tỏ rằng HĐQT cần nỗ lực, tăng cường công tác giám sát chất lượng CBTT.

❖ Cấu trúc quản trị của doanh nghiệp và cơ cấu HĐQT

Điều 134 của Luật Doanh nghiệp 2014 đưa ra hai lựa chọn về cơ cấu quản trị của một doanh nghiệp, cho phép các công ty cổ phần có thể lựa chọn: giữ nguyên mô hình BKS; hoặc thành lập một Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT với yêu cầu tối thiểu có 20% thành viên độc lập trong HĐQT. Thuật ngữ “Ban Kiểm toán Nội bộ” ở đây được hiểu là “Ủy ban Kiểm toán” theo mô hình quản trị tiên tiến.

Thông lệ tốt về Quản trị công ty khuyến nghị HĐQT cần phải thành lập các Ủy ban chuyên trách thuộc Hội đồng Quản trị, ngoài Ủy ban Kiểm toán thì một số Ủy ban quan trọng khác như Ủy ban Bổ nhiệm và Ủy ban thù lao lương thưởng nhưng hiện vẫn chưa phổ biến ở Việt Nam dù các doanh nghiệp dần nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của những Ủy ban này. Do đó, kết quả đánh giá cho thấy chỉ mới có tỷ lệ thấp công ty thành lập các ủy ban chuyên trách, trong đó, phổ biến là các Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng.

Đáng chú ý, việc đa dạng cơ cấu HĐQT ngày càng được chú trọng, xuất phát từ thực tế rằng HĐQT với các thành viên thuộc giới tính, chuyên môn và kinh nghiệm khác nhau sẽ đóng góp những ý kiến phong phú, suy nghĩ đa chiều trong các vấn đề, nâng cao chất lượng ra quyết định của công ty cũng như nâng cao khả năng giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả. Thế nhưng, số công ty đáp ứng với các tiêu chí trên còn khá hạn chế, cụ thể là có chưa nhiều các doanh nghiệp có các thành viên HĐQT đa dạng trong chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty, và thành viên HĐQT nam chiếm đa số trong cơ cấu HĐQT trong các doanh nghiệp được đánh giá.

❖ **Tính độc lập của Hội đồng Quản trị**

Theo thông lệ quốc tế, các thành viên HĐQT độc lập cần chiếm số đông trong HĐQT và giữ vị trí chủ tịch trong một số ủy ban quan trọng của HĐQT như Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Bổ nhiệm và Lương thưởng và tốt hơn nữa là giữ chức Chủ tịch HĐQT. Đây là một trong những vấn đề then chốt cần các DNNY Việt Nam cải thiện nhằm đảm bảo vai trò giám sát khách quan và độc lập của HĐQT, tạo điều kiện để HĐQT thực hiện việc giám sát một cách có hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty.

Tại Việt Nam, luật quy định HĐQT của DNNY phải có ít nhất 1/3 số lượng thành viên HĐQT là độc lập. Tuy tỷ lệ yêu cầu thành viên HĐQT độc lập tại DNNY Việt Nam thấp hơn so với thông lệ quốc tế, nhưng số lượng DNNY đảm bảo đủ tỷ lệ 1/3 thành viên HĐQT độc lập còn rất thấp. Đối với trường hợp công ty có Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập thì tỷ lệ doanh nghiệp đáp ứng chuẩn mực này còn thấp hơn. Thông lệ QTCT tốt có đề xuất rằng đối với trường hợp công ty có Chủ tịch HĐQT không độc lập thì HĐQT cần bổ nhiệm một “Thành viên HĐQT độc lập đứng đầu” (lead independent director) dẫn dắt các thành viên độc lập.

PHẦN 4. KẾT LUẬN

Cải thiện quản trị công ty là một trong những nỗ lực phát triển bền vững quan trọng mà cổ đông kỳ vọng từ doanh nghiệp, đặc biệt là các cổ đông tổ chức có vốn từ nước ngoài, với mục tiêu lợi nhuận song hành với mục tiêu hành động vì phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ các giá trị xã hội và hướng đến các cơ hội đầu tư có quản trị tốt.

Nhà đầu tư không chỉ chọn lựa các doanh nghiệp có tỉ suất lợi nhuận cao, cơ hội kinh doanh tốt, mà họ còn xem xét tính bền vững của cơ hội đầu tư thông qua các cơ chế quản trị công ty tốt từ bên trong của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp quản trị tốt được cấu thành từ các giá trị bền vững từ tinh thần minh bạch công bố thông tin, tinh thần tôn trọng cổ đông, tinh thần tôn trọng các đóng góp của các bên có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, và từ vai trò và trách nhiệm quan trọng của HĐQT.

Các tiêu chí đánh giá quản trị công ty tốt theo chuẩn mực Việt nam trong giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019 là cơ hội giúp doanh nghiệp tự đánh giá lại các công tác thực hành quản trị quan trọng trong năm hoạt động, từ đó chú ý đảm bảo công bố các thông tin giúp cổ đông và các đối tượng có liên quan có thể có đủ cơ sở để đánh giá mức độ quản trị tốt của doanh nghiệp.

Những cải thiện trong việc áp dụng các chuẩn mực quản trị theo luật định và theo thông lệ đã cải thiện trong năm 2019, là tiền đề tốt để các chuẩn mực này có thể được nâng lên trong năm 2020. Sử dụng các thông tin phân tích trong đánh giá này, kết hợp với bộ tiêu chí đánh giá làm cơ sở rà soát các thực hành quản trị quan trọng sẽ giúp doanh nghiệp liên tục cải thiện quản trị công ty tốt hơn qua từng năm, từ đó có thể chuẩn bị tốt hơn cho kỳ đánh giá quản trị công ty với các chuẩn mực cao hơn trong năm 2020.

Giải thưởng quản trị công ty DNNY Việt Nam là một thước đo được thiết kế để hỗ trợ DN trong quá trình tinh tiến các thực hành QTCT tốt theo hướng nâng dần chất lượng QTCT, trước mắt là để đáp ứng các qui định luật pháp về QTCT, nhưng lâu dài là để đáp ứng các thông lệ quản trị tốt, giúp DN đáp ứng được các chuẩn mực quản trị trong xu hướng hội nhập quốc tế. Quản trị tốt không phải là đáp ứng các qui định luật pháp, quản trị tốt là hướng đến những giá trị bền vững cao hơn tinh thần tuân thủ. Chỉ có nhận thức tốt, định hướng các hành vi, và thực hành dựa trên nhận thức tốt mới đưa DN đến các giá trị chung được cổ đông chia sẻ. Các hành vi quản trị dựa trên chuẩn mực tốt sẽ là cơ sở để củng cố và nâng cao niềm tin của cổ đông vào DN, giúp cổ đông cam kết đồng hành cùng với DN trên con đường phát triển dài hạn. Để DN phát triển trên các giá trị của quản trị tốt, cần có sự thấu hiểu và thể hiện bằng hành động thực tế của nhiều bên, trong đó quan trọng nhất là những nhà lãnh đạo, là đội ngũ các thành viên hội đồng quản trị của DN.

PHẦN 5. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ

CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2019

Công tác đánh giá quản trị công ty gồm 5 bước: Xây dựng tiêu chí đánh giá, Chọn mẫu doanh nghiệp đánh giá, Thực hiện đánh giá sơ khảo, Thực hiện đánh giá soát xét, Thực hiện đánh giá chung khảo.



Bước 1. Xây dựng tiêu chí

Tiêu chí đánh giá quản trị công ty được xây dựng dựa trên khuôn khổ quy định pháp luật Việt Nam về quản trị công ty tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam và dựa trên bộ nguyên tắc quản trị công ty được công nhận rộng rãi trên thế giới do G20/OECD ban hành. Bộ tiêu chí này cũng tham khảo Bộ tiêu chí của Thẻ điểm QTCT ASEAN (ACGS) bản cập nhật năm 2017-2018.

Bước 2. Chọn mẫu doanh nghiệp được đánh giá

Mẫu doanh nghiệp đánh giá được Ban tổ chức và Hội đồng bình chọn chọn là mẫu doanh nghiệp đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE và HNX thuộc rổ chỉ số VNX Allshare tại kỳ công bố tháng 4/2019 gồm 416 doanh nghiệp (gồm 274 DN thuộc HOSE và 142 DN thuộc HNX). Việc sử dụng các doanh nghiệp trong bộ chỉ số này làm mẫu đánh giá có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc bình chọn doanh nghiệp xứng đáng nhận giải thưởng quản trị công ty tốt đại diện cho doanh nghiệp niêm yết Việt Nam.

Bước 3. Đánh giá sơ khảo

Công tác đánh giá quản trị công ty của DNNY được thực hiện theo phương pháp thu thập thông tin độc lập, khách quan từ bên ngoài, tập hợp các tài liệu của DNNY được công bố cho các cổ đông và các bên hữu quan. Dựa vào bộ tiêu chí QTCT, công tác đánh giá được thực hiện nhằm có những kết quả đánh giá chi tiết và chung nhất cho tình hình thực thi quản trị công ty tại từng doanh nghiệp dựa trên thông tin đến từ rất nhiều nguồn, bao gồm trang thông tin điện tử của công ty, của Ủy ban chứng khoán và các Sở giao dịch, từ các báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững, điều lệ, qui chế quản trị công ty, tài liệu, biên bản, nghị quyết đại hội cổ đông... Công tác đánh giá sơ khảo được Nhóm nghiên cứu Quản trị công ty của Trung tâm nghiên cứu và đào tạo quản trị doanh nghiệp (BR&T), Đại học Bách Khoa TP.HCM - đơn vị đã có nhiều năm kinh nghiệm và uy tín trong các hoạt động nghiên cứu, tư vấn quản trị công ty - thực hiện.

Nội dung đánh giá là các tài liệu báo cáo cổ đông về tình hình năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và tài liệu mùa Đại hội cổ đông năm 2019. Thời điểm chấm dứt thu thập thông tin thực hiện đánh giá là ngày 15/7/2019.

Bước 4: Đánh giá soát xét

Kết quả đánh giá sơ khảo được kiểm tra bởi các công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu, bao gồm 4 công ty kiểm toán: Deloitte, EY, KPMG, và PWC. Quá trình soát xét là quá trình kiểm tra chéo độc lập thực hiện bởi các đơn vị có kinh nghiệm tư vấn doanh nghiệp về nhiều khía cạnh trong đó có quản trị công ty. Quá trình này cho phép đảm bảo kết quả đánh giá và các khác biệt về quan điểm đánh giá giữa các bên độc lập được rút ngắn, cho phép thống nhất quan điểm đánh giá và đảm bảo kết quả sau cùng là hợp lý và đáng tin cậy.

Bước 5: Đánh giá chung khảo

Trên cơ sở kết quả sau soát xét, Hội đồng bình chọn quyết định các doanh nghiệp có điểm số đánh giá cao nhất của từng nhóm doanh nghiệp theo qui mô (lớn, vừa, và nhỏ) của vòng soát xét sẽ vào chung khảo. Hội đồng bình chọn dựa vào kết quả chấm sơ khảo, kết quả soát xét của các công ty kiểm toán và qua thảo luận đánh giá nhiều mặt, để đi đến bình chọn ra các doanh nghiệp có điểm QTCT cao nhất của mỗi nhóm vốn hoá để trao giải. Hội đồng bình chọn gồm các thành viên:

1. Ông Nguyễn Vũ Quang Trung, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Ban điều hành SGDCK TP.HCM – Chủ tịch Hội đồng bình chọn;
2. Ông Lê Công Điền, Vụ trưởng Vụ Giám sát công ty đại chúng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Thành viên
3. Ông Nguyễn Sơn, Chủ tịch Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – Thành viên
4. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Tổng Giám đốc SGDCK Hà Nội – Thành viên
5. PGS.TS Đặng Văn Thanh, Chủ tịch Hội kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Thành viên
6. GS.TS Trần Ngọc Thor, Đại học Kinh tế TP.HCM – Thành viên
7. Bà Nguyễn Nguyệt Anh, Đại diện Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) – Thành viên
8. Nhà báo Phạm Oanh, Trưởng Ban chứng khoán Báo Đầu tư – Thành viên.

CƠ SỞ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM

Bộ tiêu chí đánh giá quản trị công ty được dựa trên các nguyên tắc quản trị tốt do G20/OECD xây dựng. Được thiết kế nhằm đánh giá chất lượng Quản trị công ty trên hai cấp độ (1) Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về QTCT dành cho công ty đại chúng và (2) Đánh giá mức độ đáp ứng các thông lệ tốt về QTCT dựa trên Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD/G20 năm 2015.

Bên cạnh các tiêu chí căn bản đánh giá mức độ tuân thủ luật pháp của doanh nghiệp – gọi là các tiêu chí cấp 1, hệ thống tiêu chí cấp 2 về Áp dụng các thông lệ là các tiêu chí nâng cao, không bao gồm trong luật định và các văn bản pháp quy hiện hành, đây là các thông lệ tốt để đảm bảo giúp xây dựng qui trình, cấu trúc quản trị tốt, thực thi và giám sát hiệu quả hoạt động điều hành doanh nghiệp, dung hoà lợi ích trong mối quan hệ với các bên hữu quan, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư và đảm bảo một quá trình phát triển liên tục và bền vững.

Bộ tiêu chí này được Ban tổ chức xây dựng thông qua tham khảo các tài liệu sau đây:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty năm 2015 của OECD/G20.
- Bộ tiêu chí đánh giá của Thẻ điểm QTCT ASEAN phiên bản 2017-2018.

Nội dung bộ tiêu chí Quản trị công ty Việt Nam

Bộ tiêu chí đánh giá quản trị công ty có cấu trúc 2 cấp:

- ❖ Cấp 1 bao gồm các thực hành QTCT căn bản:
 - Các tiêu chí mang tính tuân thủ: được xây dựng nhằm đánh giá mức độ tuân thủ các qui định luật pháp của Việt Nam về QTCT
 - Các tiêu chí mang tính thông lệ: được xây dựng nhằm đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế, dựa trên các chuẩn mực QTCT quốc tế do G20/OECD xây dựng.
- ❖ Cấp 2 bao gồm các thực hành QTCT đáng được ghi nhận và khích lệ đặc biệt, cũng như những vi phạm quản trị trọng yếu cần được ngăn ngừa.

Nguồn thông tin đánh giá

Nguồn thông tin đánh giá là các nguồn thông tin được công bố rộng rãi cho thị trường. Các tài liệu được thu thập làm nguồn thông tin đánh giá có từ nhiều nguồn khác nhau, có thể liệt kê gồm: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty, Tài liệu đại hội cổ đông thường niên, Biên bản, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Báo cáo phát triển bền vững, trang thông tin điện tử của công ty, của các Sở và Ủy ban chứng khoán, các nội dung công bố thông tin khác của doanh nghiệp,..

Nội dung tiêu chí cấp 1:

Về cơ cấu theo tính chất, Bộ tiêu chí cấp 1 hướng đến mục tiêu đánh giá tính tuân thủ của doanh nghiệp (với 2/3 số câu mang tính tuân thủ) đối với các quy định pháp luật; đồng thời đánh giá, phân loại được các doanh nghiệp vượt trội trong việc áp dụng các thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty (với 1/3 số lượng câu hỏi mang tính thông lệ). Do vậy bộ tiêu chí cấp 1 bao gồm 69 câu hỏi, được phân bổ cho hai lĩnh vực: số câu hỏi Tuân thủ là 42 câu với tỉ trọng điểm 70% và số câu hỏi mang tính thông lệ là 27 câu với tỉ trọng điểm 30%.

Về cơ cấu theo nội dung nguyên tắc quản trị công ty, trong năm 2017, Chính Phủ và Bộ Tài chính đã ban hành hai văn bản pháp quy liên quan đến việc hướng dẫn các vấn đề về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng là Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017, trong đó quy định chi tiết nhiều điều khoản nhấn mạnh việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và gia tăng vai trò của Hội đồng Quản trị. Do đó, căn cứ trên các định hướng, quy định từ các điều khoản đó, số lượng các câu hỏi liên quan đến HĐQT và Ban kiểm soát (Phần D) trong Bộ tiêu chí chiếm đa số hơn (chiếm 38% tổng số tiêu chí), đảm bảo đánh giá toàn diện tính tuân thủ của doanh nghiệp. Phần A và C với số lượng câu hỏi cân bằng (mỗi phần chiếm 26% tổng số tiêu chí) do tính minh bạch và tuân thủ công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông là phần trọng yếu đối với doanh nghiệp niêm yết. Các câu hỏi trong bộ thể điểm QTCT cũng được xây dựng căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán làm cơ sở cho các câu hỏi phần C và các phần còn lại.

Riêng Phần B *Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan* có số lượng câu hỏi ít nhất 7/69 (10%) chủ yếu mang tính định hướng theo thông lệ quốc tế được hướng dẫn trong Bộ nguyên tắc về QTCT của OECD/G20 nhằm định hướng doanh nghiệp tăng cường tiếp cận và đảm bảo sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan vào trong việc xây dựng chính sách cũng như các thực hành khác của doanh nghiệp.

Do vậy Bộ tiêu chí cấp 1 có 69 câu hỏi bao trùm 4 nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD ở cấp độ doanh nghiệp, gồm 4 nội dung sau:

- A. **Quyền & Đối xử công bằng với các cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản** gồm 18 câu;
- B. **Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan** gồm 7 câu;
- C. **Công bố thông tin và minh bạch** gồm 18 câu;
- D. **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị** gồm 26 câu.

Nội dung tiêu chí cấp 2:

Ở các câu hỏi cấp 2, các thông lệ quản trị tốt được khuyến khích áp dụng. Có 2 câu hỏi thông lệ tốt, nếu DN đạt thì được 2 điểm mỗi câu. Bên cạnh đó có các vi phạm quản trị trọng yếu cần được ngăn ngừa. Có 6 câu hỏi trừ điểm, nếu công ty vi phạm các trường hợp này sẽ bị trừ từ 1 đến 3 điểm mỗi câu tùy mức độ vi phạm.

Bảng 1.1: Cấu trúc bộ tiêu chí đánh giá Quản trị công ty năm 2019

NỘI DUNG BỘ CÂU HỎI	SỐ TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA
CÂU HỎI CẤP 1:		
Phân loại theo tính chất Tuân thủ/Thông lệ		
<i>Mang tính tuân thủ</i>	42	70
<i>Mang tính thông lệ tốt</i>	27	30
Phân loại theo Nguyên tắc quản trị công ty của OECD		
<i>A - Quyền cổ đông và Đối xử công bằng giữa các cổ đông</i>	18	Không có số trong tiêu phần
<i>B – Vai trò các bên hữu quan</i>	7	
<i>C – Công bố và minh bạch</i>	18	
<i>D – Vai trò, trách nhiệm HĐQT</i>	26	
Tổng cộng Cấp 1	69	100
CÂU HỎI CẤP 2:		
Câu cộng điểm	2	+4
Câu trừ điểm	6	-18
Tổng cộng Cấp 2	8	[-18, +4]
TỔNG CỘNG THẺ ĐIỂM	77	104

Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá được áp dụng theo phương pháp sau:

- Đối với câu hỏi mang tính tuân thủ: điểm số sẽ ở các mức 0-1-2. Công ty tuân thủ tốt quy định, có thông tin đầy đủ và rõ ràng sẽ được 2 điểm; tuân thủ một phần của quy định, thông tin chưa đầy đủ và rõ ràng được 1 điểm; và không tuân thủ hoặc không tìm được thông tin thì được 0 điểm.
- Đối với câu hỏi mang tính thông lệ: điểm số sẽ ở các mức 0-1, có áp dụng thông lệ được 1 điểm, ngược lại 0 điểm.

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM

CÁC CÂU HỎI CẤP 1:

Câu 1A:

Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Quyền được nhận cổ tức kịp thời (nếu DN có chính sách chi trả cổ tức) là một trong các quyền cơ bản nhất, ảnh hưởng trọng yếu đến dòng tiền và thu nhập của cổ đông. Nếu nhận cổ tức trễ, cổ đông sẽ mất niềm tin vào DN và không đồng hành cùng DN trong các kế hoạch tăng vốn. Theo thông lệ QTCT khu vực ASEAN thì doanh nghiệp niêm yết phải chi trả cổ tức trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố cổ tức hoặc ngày tổ chức đại hội cổ đông.

Câu 2A:

Công ty có thông qua tại ĐHĐCĐ hằng năm về:

- a) Mức cổ tức cho năm vừa qua**
- b) Kế hoạch kết quả kinh doanh năm tới**

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Cổ đông có quyền được cung cấp thông tin và ra quyết định những vấn đề quan trọng bảo đảm lợi ích của cổ đông. ĐHĐCĐ thường niên là dịp để cổ đông thực hiện các quyền như thảo luận và biểu quyết thông qua mức cổ tức năm vừa qua và kế hoạch, kết quả kinh doanh năm tới.

Câu 3A:

Công ty có công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Cổ phiếu được mua đi, bán lại thường xuyên trên thị trường nên tổ chức phát hành phải xác định những cổ đông hiện hữu nhằm chốt danh sách cổ đông cho mục đích hưởng quyền. Do đó, để được hưởng quyền lợi chính yếu nhất là tham dự ĐHĐCĐ, trong đó có quyền biểu quyết, quyền đóng góp ý kiến đối với mọi hoạt động, kinh doanh của công ty thì nhà đầu tư hiện hữu đặc biệt là cá nhân bên ngoài cần được cung cấp đầy đủ tất cả thông tin liên quan, kịp thời đảm bảo được quyền lợi tối đa trong vai trò người chủ sở hữu

Câu 4A:

Công ty có gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Thông báo họp ĐHĐCĐ được công bố càng sớm, các cổ đông càng có thêm thời gian để xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các vấn đề nghị sự, cũng như sắp xếp thời gian để tham dự đại hội

Câu 5A:

ĐHĐCĐ thường niên của Công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: ĐHĐCĐ là dịp đặc biệt để các cổ đông có thể gặp gỡ ban lãnh đạo công ty, chất vấn và trao đổi ý kiến, cũng như thu thập thông tin hoạt động của DN. Việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên càng sớm thì càng thể hiện sự tôn trọng cổ đông và sự minh bạch thông tin của DN khi nhà đầu tư bên ngoài sớm tiếp cận với những thông tin quan trọng, hạn chế việc cổ đông nội bộ có thể thao túng vì đã nắm rõ thông tin trước đó

Câu 6A:

Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông không?

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Việc lập giấy UQ và hướng dẫn cổ đông thực hiện ủy quyền tạo điều kiện thuận lợi để tất cả các cổ đông có thể tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện các quyền cơ bản của mình, đó là quyền tham dự ĐHĐCĐ, quyền chất vấn và biểu quyết ngay cả khi không thể tham dự trực tiếp; cũng như để cuộc họp ĐHĐCĐ có giá trị về mặt pháp lý thì cũng phải có đủ số cổ đông dự họp và biểu quyết.

Câu 7A:

Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ không (bộ tài liệu tiêu chuẩn) bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/Tiểu ban kiểm toán (file phải mở được, có nội dung)

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014

Ý nghĩa: Để đảm bảo cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ hiệu quả và phát huy quyền lợi tối đa trong việc thông qua các quyết định quan trọng của DN thì Bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ càng công bố đầy đủ và chi tiết, các cổ đông càng có thêm thông tin để xem xét, trao đổi thảo luận và biểu quyết trong cuộc họp những nội dung quan trọng cần được thông qua.

Câu 8A:

Cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ trước khi cuộc họp diễn ra?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Một trong những quyền quan trọng của cổ đông là có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ trước khi diễn ra cuộc họp. Điều này đảm bảo được tiếng nói của cổ đông trong các vấn đề quan trọng của công ty cần được thông qua một cách công bằng và bảo đảm lợi ích chung cho DN và tất cả cổ đông.

Câu 9A:

Tài liệu họp ĐHĐCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên Hội đồng quản trị và BKS (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Thông tin về các ứng viên HĐQT và BKS cần được trình bày chi tiết, cụ thể và được cung cấp trước cuộc họp một thời gian đủ để cổ đông xem xét, làm cơ sở bầu chọn những thành viên đủ năng lực và phù hợp nắm giữ những vị trí chủ chốt trong công ty, đại diện cổ đông chuẩn bị vì đây là nguồn thông tin quan trọng để các cổ đông tham khảo và làm cơ sở ra quyết định. DN cần cung cấp đầy đủ thông tin, đặc biệt là về ngày bổ nhiệm thành viên HĐQT lần đầu, tính chất độc lập.

Câu 10A:

Có bằng chứng cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) không?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Vấn đề thù lao, chi phí và các khoản lợi ích là một trong số các nội dung trọng yếu phải được thông qua tại ĐHĐCĐ. Với mục tiêu bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đòi hỏi công ty phải công khai cụ thể, rõ ràng những thông tin quan trọng và được sự chấp thuận từ ĐHĐCĐ.

Câu 11A:

Công ty có áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014

Ý nghĩa: Hình thức biểu quyết từ xa giúp đỡ bỏ các trở ngại đối với các cổ đông ở xa, cổ đông nước ngoài và những cổ đông không thể sắp xếp thời gian để tham dự. Hình thức biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến cho phép các cổ đông thực hiện quyền bầu cử và tham gia thảo luận, dù không thể có mặt tại đại hội. Việc sử dụng hệ thống trực tuyến cũng giúp các cổ đông vắng mặt tham gia vào những nội dung mới phát sinh hoặc thay đổi trong đại hội. Biểu quyết bằng đường thư điện tử cũng là một hình thức khuyến khích áp dụng giúp hỗ trợ tham dự biểu quyết đối với cổ đông vắng mặt.

Câu 12A:

Công ty có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Việc bổ nhiệm một bên độc lập kiểm định quá trình kiểm phiếu sẽ giúp quá trình biểu quyết và bầu cử tại đại hội được diễn ra minh bạch hơn, vì vậy mà tạo lòng tin cho cổ đông, nâng cao hình ảnh cho DN.

Câu 13A:

Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?

Căn cứ: Thông tư 155

Ý nghĩa: Những vấn đề quan trọng được quyết định trong ĐHĐCĐ cần được công ty công bố kịp thời trên các phương tiện thông tin chính thống vì những thông tin ngay sau khi đại hội kết thúc sẽ có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến quyết định nắm giữ, mua bán cổ phiếu của nhà đầu tư. Do vậy công ty cần đảm bảo rằng mọi nhà đầu tư đều kịp thời tiếp cận được thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ.

Câu 14A:

Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Công bố chi tiết kết quả biểu quyết nêu trong cả nghị quyết lẫn biên bản ĐHĐCĐ giúp người đọc hình dung được mức độ ủng hộ, quan điểm của cổ đông về vấn đề được lấy ý kiến.

Câu 15A:

Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Phần chất vấn trong đại hội là một trong những cách khuyến khích sự tham gia đóng góp của cổ đông vào những vấn đề quan trọng của công ty. Qua đó cũng thể hiện tinh thần dân chủ và mức độ minh bạch của ban lãnh đạo công ty trước ĐHĐCĐ.

Câu 16A:

Công ty có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty có xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm cho cổ đông và các bên hữu quan của công ty có thể khiếu nại, cũng như công bố qui trình minh bạch trong việc giải quyết khiếu nại sẽ cho phép cổ đông và các bên hữu quan yên tâm và mong muốn đồng hành lâu dài cùng DN.

Câu 17A:

Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty cần công bố thư mời và tài liệu họp bằng tiếng Anh kịp thời như tài liệu tiếng Việt để đảm bảo cổ đông nước ngoài được bình đẳng về quyền tiếp cận thông tin như cổ đông trong nước.

Câu 18A:

Công ty có quy định nội bộ về Người nội bộ/ Người có liên quan của công ty phải CBTT về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch hay không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Việc kịp thời công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/người có liên quan rất quan trọng, cho phép ngăn ngừa các giao dịch cổ phiếu có thể gây thiệt hại cho cổ đông, khi người nội bộ/ người có liên quan sở hữu các thông tin của doanh nghiệp nhiều hơn người bên ngoài, cổ đông thiểu số.

Câu 19B:

Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Các quy định liên quan đến công bố thông tin về môi trường và xã hội là bước đệm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc minh bạch hóa thông tin, nâng cao chất lượng của DNNY thông qua quản trị tốt các trách nhiệm xã hội và môi trường hướng tới phát triển bền vững. Đây cũng đang trở thành một trong những tiêu chí đầu tư quan trọng nhất trên thế giới.

Câu 20B:

Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Để các DNNY có thể thu hút được nguồn vốn dài hạn từ các nhà đầu tư trách nhiệm, DN cần chú trọng tới trách nhiệm xã hội và môi trường, cân đối hài hòa với mục tiêu tăng trưởng kinh doanh. Với nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng, việc quan trọng là DN cần thiết lập bộ chính sách và quy trình quản lý môi trường, các hoạt động tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Câu 21B:

Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bất kỳ DN nào muốn tồn tại và phát triển thị trường lâu dài đều cần một lượng khách hàng ổn định. Việc bảo vệ quyền lợi khách hàng mang ý nghĩa cấp thiết đối với DN trong nền kinh tế thị trường. Việc công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng càng nuôi dưỡng lòng tin và thu hút lượng khách hàng bền vững.

Câu 22B:

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Một trong những bên liên quan chính yếu của DN chính là người lao động, việc chăm lo đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện nâng cao bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động của nhân viên chính là mục đích thiết thực nhất để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn cổ thể thu hút lực lượng lao động năng lực giỏi, đóng góp nâng cao kết quả kinh doanh tốt và lâu dài cho doanh nghiệp.

Câu 23B:

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Phát triển các kỹ năng và năng suất của nhân viên làm việc trong công ty là một việc làm quan trọng bởi vì các kỹ năng mới có thể cải tiến được năng suất lao động, mang lại sự cạnh tranh và lợi nhuận cho công ty. Việc công bố công khai chính sách và thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên càng thể hiện cho sự cam kết nỗ lực đạt được mục tiêu trên.

Câu 24B:

Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bên cạnh việc khen thưởng bằng tiền mặt hoặc những khoản thưởng có giá trị khích lệ trong ngắn hạn thì các chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn đối với nhân viên sẽ tạo ra động lực gắn bó giữa họ với lợi ích lâu dài của công ty. Việc gắn kết lợi ích nhân viên với lợi ích lâu dài của công ty cũng là cách thức hiệu quả giúp nâng cao giá trị của nhà đầu tư.

Câu 25B:

Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bất kể DN có quy mô và ngành nghề hoạt động kinh doanh nào thì cũng cần công nhận sự đóng góp của các bên có quyền lợi liên quan như nhà đầu tư, người lao động, chủ nợ và nhà cung cấp là nguồn lực quý giá để xây dựng khả năng cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho công ty. Vì vậy mỗi quan tâm lâu dài của các công ty là đẩy mạnh sự hợp tác giữa các bên có quyền lợi liên quan, trong đó sẵn sàng lắng nghe và thu nhận tất cả các ý kiến từ đóng góp xây dựng tới khiếu nại về những vi phạm ảnh hưởng tới lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan.

Câu 26C:

Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc và kế toán trưởng nắm giữ cổ phiếu là những cổ đông nội bộ. Việc cung cấp thông tin sở hữu của những cổ đông nội bộ này là rất cần thiết vì các nhà đầu tư bên ngoài không những cần đánh giá xung đột lợi ích tiềm tàng có thể dẫn tới việc suy xét, ra quyết định kinh doanh của họ, mà còn xem xét khả năng thực hiện các giao dịch nội gián vì những cổ đông nội bộ thường biết trước thông tin của DN.

Câu 27C:

Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty đại chúng phải thực hiện CBTT về sở hữu của các cổ đông lớn và quyền biểu quyết của họ vì trên hết cổ đông lớn có khả năng kiểm soát và thu tóm công ty, âm ảnh hưởng tới các cổ đông nhỏ và cả chính DN đó.

Câu 28C:

Báo cáo Thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Thông tin về cơ cấu sở hữu cổ phần là một thông tin cơ bản mà doanh nghiệp cần cung cấp cho các nhà đầu tư trong báo cáo thường niên. Qua đó, nhà đầu tư có cái nhìn tổng quan nhất về cơ cấu sở hữu của công ty, và quyền của họ so với những người sở hữu khác. Vì vậy, họ có thể chủ động xem xét quyền lợi các nhóm cổ đông lớn, cổ đông nhà nước, cổ đông nước ngoài... mức độ lợi ích của nhóm cổ đông nào đó có thể gây bất lợi tới quyền lợi của các cổ đông còn lại.

Câu 29C:

Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTN nêu rõ tính độc lập của thành viên HĐQT cho thấy công ty rất coi trọng tính độc lập của HĐQT trong mối quan hệ với ban điều hành, từ đó cho phép HĐQT bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, tư vấn giám sát độc lập hoạt động của bộ máy quản lý điều hành, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông, tránh xung đột về lợi ích, bảo vệ được cổ đông nhỏ. Để thực hiện được những điều này, tính độc lập phải được đảm bảo như là HĐQT không bị chi phối bởi lợi ích riêng trong công ty, không bị ảnh hưởng tiêu cực từ các quan hệ điều hành và sở hữu, có thể khách quan trong việc quyết định các vấn đề của công ty mà không bị chi phối bởi lợi ích riêng của một cá nhân hay một nhóm người nào đó.

Câu 30C:

Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Thông qua BCTN, DN cần thể hiện cam kết thực thi tốt QTCT. DN không chỉ trình bày việc tuân thủ đúng các quy định, nguyên tắc quản trị công ty, mà còn cần nêu cụ thể nội dung chưa thực hiện được trong công tác QTCT và phương án khắc phục. Việc tự nguyện công bố vấn đề này cho thấy cam kết thực thi trách nhiệm của mình với cổ đông hiện hữu. Cam kết QTCT tốt sẽ giúp DN xây dựng lòng tin, thu hút vốn đầu tư từ các tổ chức đầu tư, nhà đầu tư cá nhân mới.

Câu 31C:

Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và hoặc Ban kiểm soát (nếu có) không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTN công khai các khoản liên quan đến thù lao của từng thành viên HĐQT và BKS giúp các nhà đầu tư đánh giá được năng lực và mức độ tham gia đóng góp cho hoạt động công ty của từng thành viên, cũng như cung cấp thông tin cho các cổ đông có thêm cơ sở ra quyết định khi xem xét mối quan hệ giữa mức thù lao và hiệu quả hoạt động, đưa ra các tiêu chuẩn có thể đo lường được, nhấn mạnh lợi ích lâu dài, hơn là suy tính ngắn hạn. Thù lao cần được công bố chi tiết các thành phần: Thù lao, Lợi ích khác, Chi phí cho HĐQT.

Câu 32C:

Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Thông tin về lương thưởng cho Ban giám đốc/ Tổng giám đốc và người quản lý khác được công bố giúp các nhà đầu tư có thể đánh giá chi phí và lợi ích ban điều hành nhận được. Thông tin này rất hữu ích đối với cổ đông khi cần thông qua việc xây dựng chính sách lương thưởng để tạo động lực cho các thành viên điều hành DN có hiệu quả, cũng như để đảm bảo tính công bằng trong việc trả lương cho các thành viên này.

Câu 33C:

Công ty có công bố thông tin Báo cáo thường niên đúng thời hạn theo qui định?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTN cung cấp các thông tin về hoạt động kinh doanh, các chiến lược quản trị, tình hình tài chính cũng như các thông tin hoạt động khác của doanh nghiệp năm vừa qua và những kế hoạch, dự định hoạt động trong tương lai. Do đó, công ty công bố BCTN đúng hạn và đầy đủ nội dung có ý nghĩa quan trọng, cung cấp kịp thời những thông tin hữu ích đến các bên liên quan.

Câu 34C:

Công ty có công bố thông tin về Báo cáo Tài chính năm được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét đúng thời hạn không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTC thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của DN, nhằm phục vụ cho các đối tượng bên trong lẫn bên ngoài DN, đây là những thông tin quan trọng và cần được cung cấp đúng hạn, nội dung công bố đầy đủ rõ ràng cho nhà đầu tư quyết định, để thị trường nâng cao tính công khai minh bạch.

Câu 35C:

Công ty có công bố thông tin Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo tình hình QTCT là một kênh thông tin quan trọng về tình hình quản trị công ty của DN. Báo cáo này cần được công bố định kỳ kịp thời cho cổ đông. Những thông tin trong báo cáo tình hình QTCT rất quan trọng, góp phần đảm bảo quyền được biết các thông tin quan trọng của cổ đông, nâng cao tính công khai minh bạch quản trị trên TTCK của DN.

Câu 36C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Báo cáo thường niên

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như bản cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 37C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): BCTC quý, bán niên và năm gần nhất

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như bản cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 38C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Điều lệ công ty & Quy chế QTCT

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như bản cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 39C:

Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Cổ đông thường có quyền thông qua hoặc bổ nhiệm một bên độc lập thực hiện các chính sách rà soát và phê duyệt các giao dịch lớn và đặc biệt là các giao dịch với các bên liên quan của DN, điều này nhằm hạn chế việc HDQT hoặc Ban giám đốc lợi dụng các giao dịch lớn để mang lại lợi ích cá nhân và ảnh hưởng lợi ích của cổ đông. Một chính sách về rà soát, phê duyệt GDBLQ trọng yếu chặt chẽ cho phép cơ chế ngăn ngừa mâu thuẫn lợi ích làm thiệt hại cho cổ đông, đặc biệt cổ đông nhỏ, cổ đông bên ngoài.

Câu 40C:

Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Với mục tiêu minh bạch thông tin của các GDBLQ trọng yếu, các yêu cầu CBTT bao gồm công bố bản chất, giá trị giao dịch, tên và mối quan hệ của bên liên quan. Đồng thời các bên sử dụng thông tin cũng cần được nắm rõ liệu các giao dịch có được thực hiện đúng quy định và theo nguyên tắc của thị trường hay không.

Câu 41C:

Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?

Căn cứ: Thông tư 155

Ý nghĩa: Người nội bộ tiếp cận được nhiều thông tin về công ty hơn người bên ngoài và thị trường. Do vậy để đảm bảo minh bạch thông tin, các giao dịch cổ phiếu công ty của người nội bộ cần được kịp thời công bố.

Câu 42C:

Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Nhà đầu tư cần biết thông tin tốt nhất về những người đại diện cho quyền lợi của mình - thành viên HĐQT - để có thể đánh giá sự phù hợp, kinh nghiệm, năng lực, mức độ cam kết thực thi vai trò trách nhiệm giám sát doanh nghiệp.

Câu 43C:

Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Công bố nội dung này giúp nhà đầu tư có thể theo dõi sát hoạt động của từng thành viên HĐQT, biết được phần nào hiệu quả hoạt động của HĐQT và có thể cân nhắc những quyết định quan trọng liên quan đề cử, bầu cử nhân sự bộ máy HĐQT.

Câu 44D:

Hội đồng Quản trị có đủ số lượng thành viên theo quy định không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Căn cứ trên quy định của pháp luật cũng như nhu cầu cụ thể của công ty và cổ đông; chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của HĐQT, doanh nghiệp xác định cơ cấu, quy mô số lượng cụ thể thành viên HĐQT để đảm bảo: thành phần đa dạng của HĐQT, tổ chức các cuộc họp hiệu quả và có tính chất xây dựng; đưa ra quyết định kịp thời hợp lý; tổ chức một cách hiệu quả công việc của các tiểu ban chuyên trách trực thuộc HĐQT.

Câu 45D:

HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Việc đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT đóng vai trò quan trọng, bởi đây là tiền đề để HĐQT thực hiện việc giám sát một cách có hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Một trong những yếu tố cơ bản để đảm bảo tính khách quan của HĐQT là duy trì một tỉ lệ thành viên HĐQT độc lập hiện diện trong HĐQT để đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT.

Câu 46D:

Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Nếu tham gia quá nhiều vị trí HĐQT sẽ làm giảm thời gian các thành viên HĐQT dành để làm tròn nhiệm vụ tại từng DN. Ngoài ra, việc một thành viên HĐQT tham gia vào nhiều HĐQT khác nhau có thể ảnh hưởng đến tính độc lập trong các quyết định.

Câu 47D:

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Tiêu chuẩn đa dạng trong HĐQT cho phép HĐQT có được sự đa chiều trong nhìn nhận các vấn đề, từ đó có được các quyết sách giải quyết vấn đề hiệu quả, toàn diện. Yếu tố đa dạng của HĐQT đặt ra các yêu cầu về đa dạng trong kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, giới tính, quốc tịch, chủng tộc... trong đó đa dạng kinh nghiệm và kiến thức, đa dạng giới tính là các yếu tố được quan tâm chú trọng.

Câu 48D:

Cơ cấu Hội đồng quản trị có đảm bảo sự cân đối về giới không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Tiêu chuẩn đa dạng trong HĐQT cho phép HĐQT có được sự đa chiều trong nhìn nhận các vấn đề, từ đó có được các quyết sách giải quyết vấn đề hiệu quả, toàn diện. Yếu tố đa dạng của HĐQT đặt ra các yêu cầu về đa dạng trong kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, giới tính, quốc tịch, chủng tộc... trong đó đa dạng kinh nghiệm và kiến thức, đa dạng giới tính là các yếu tố được quan tâm chú trọng.

Câu 49D:

Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới trên mức cơ bản luật định?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Vai trò của HĐQT là đại diện cho cổ đông và các bên hữu quan thực thi trách nhiệm giám sát hoạt động, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Để tuyển chọn, đề cử các thành viên xứng đáng, phù hợp cho HĐQT đòi hỏi cần có qui trình rõ ràng, cụ thể với các tiêu chí rõ ràng, và cao hơn mức cơ bản luật định để có thể cho phép có sự chuẩn bị sớm các nhân sự lãnh đạo giỏi, có thể giúp doanh nghiệp phát triển đạt được các mục tiêu dài hạn, và thực thi được sứ mệnh của mình.

Câu 50D:

HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty hay không?

Căn cứ: Thông tư 95



Ý nghĩa: Để bộ máy HĐQT có thể thực hiện vai trò của mình hiệu quả thì cần có sự hỗ trợ đắc lực của người Phụ trách QTCT hoặc Thư ký công ty với kiến thức và kinh nghiệm phù hợp.

Câu 51D:

Hội đồng quản trị có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần?

Căn cứ: Thông tư 95



Ý nghĩa: Vai trò của Hội đồng quản trị là vai trò tập thể, do đó, các cuộc họp của Hội đồng quản trị là hết sức quan trọng để thảo luận, phân tích, xem xét, thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Số lần họp tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp là bốn lần một năm, tức là mỗi quý một lần để tổng hợp, trao đổi và quyết định các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT. Việc họp quá ít hoặc quá nhiều có thể thể hiện sự kém hiệu quả của HĐQT trong thực thi vai trò, trách nhiệm của mình.

Câu 52D:

Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm có phải do Thành viên Độc lập đánh giá không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa:
Để phát huy vai trò HĐQT trong việc giám sát hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty, cần có một đánh giá khách quan, thực chất về hoạt động của HĐQT. Việc có được sự đánh giá độc lập từ thành viên HĐQT độc lập với tư cách người giám sát khách quan sẽ có thể giúp cung cấp thông tin trung thực về hoạt động HĐQT trong năm.

Câu 53D:

Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT, đồng thời ghi nhận các mục tiêu và kế hoạch trong tương lai của DN. Báo cáo HĐQT nếu cung cấp thông tin đầy đủ sẽ cho phép đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

Câu 54D:

Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Các kế hoạch trong tương lai?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT, đồng thời ghi nhận các mục tiêu và kế hoạch trong tương lai của DN. Báo cáo HĐQT nếu cung cấp thông tin đầy đủ sẽ cho phép đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

Câu 55D:

Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Chủ tịch là người lãnh đạo, điều hành HĐQT đề ra các định hướng, chiến lược phát triển công ty và giám sát Ban điều hành, trong khi Tổng giám đốc/Giám đốc là người thực thi chiến lược, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty. Nếu tồn tại việc kiêm nhiệm hai chức danh này sẽ hạn chế vai trò giám sát độc lập, và/hoặc giảm hiệu lực HĐQT trong việc ngăn ngừa các xung đột lợi ích giữa ban điều hành và cổ đông, ban điều hành và các bên liên quan, và giữa các nhóm cổ đông.

Câu 56D:

Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT được đại hội đồng cổ đông bầu ra để lãnh đạo doanh nghiệp, giám sát điều hành, và bảo vệ quyền và lợi ích của tất cả cổ đông. Vì vậy, một trong những tiêu chí quan trọng của HĐQT, Chủ tịch HĐQT là cần đảm bảo tính độc lập để quá trình ra quyết định được khách quan, ngăn ngừa được các xung đột lợi ích tiềm ẩn giữa các nhóm cổ đông, giữa cổ đông và ban điều hành.

Câu 57D:

Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT cần thành lập các tiểu ban chuyên trách để phụ trách cụ thể việc thực thi các vai trò quan trọng của HĐQT: vai trò xây dựng chiến lược, chính sách phát triển cho doanh nghiệp, vai trò xây dựng tuyển chọn đội ngũ lãnh đạo kế thừa, vai trò xây dựng chính sách thù lao lương thưởng hợp lý. Các tiểu ban cần có người đứng đầu là các thành viên có thể phát huy hiệu quả vai trò độc lập, khách quan.

Câu 58D:

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT (tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng) có phải do Thành viên độc lập làm chủ tịch tiểu ban không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT cần thành lập các tiểu ban chuyên trách để phụ trách cụ thể việc thực thi các vai trò quan trọng của HĐQT: vai trò xây dựng chiến lược, chính sách phát triển cho doanh nghiệp, vai trò xây dựng tuyển chọn đội ngũ lãnh đạo kế thừa, vai trò xây dựng chính sách thù lao lương thưởng hợp lý. Các tiểu ban cần có người đứng đầu là các thành viên có thể phát huy hiệu quả vai trò độc lập, khách quan.

Câu 59D:

Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban Kiểm toán có đảm bảo tính độc lập không? (Quy định về tính độc lập của BKS tương tự như qui định cho thành viên HĐQT)

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Ban kiểm soát/ Tiểu ban kiểm toán có vai trò giám sát công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đảm bảo rằng các rủi ro kế toán tài chính sẽ được ngăn ngừa. Vai trò độc lập của Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán là quan trọng trong việc đảm bảo phát huy hiệu quả vai trò giám sát độc lập của mình.

Câu 60D:

Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn/kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Những lĩnh vực tập trung cần BKS hay Tiểu ban Kiểm toán xem xét bao gồm: Các vấn đề kế toán và chính sách, rà soát lại thông tin tài chính; quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình kiểm toán; các vấn đề kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán; có thể xem xét thêm các vấn đề pháp lý và tuân thủ. Vì vậy Trưởng BKS/Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán cần có chuyên môn/kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao.

Câu 61D:

Có bằng chứng cho thấy Hội đồng Quản trị thực hiện đánh giá Tổng Giám đốc/Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc hàng năm hay không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Giám đốc hoặc tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Việc đánh giá TGD/ Giám đốc sẽ làm cho hoạt động của Ban điều hành phát triển tốt hơn.

Câu 62D:

Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức có vai trò là lộ trình định hướng bằng việc đặt ra các chính sách và nguyên tắc ứng xử trong kinh doanh dành cho tất cả giám đốc, cán bộ và nhân viên của công ty để tuân thủ trong công việc hàng ngày. Việc đề ra và ban hành các nguyên tắc cơ bản để định hướng hành động, kết nối các giá trị cốt lõi của toàn bộ công ty thông qua Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức làm tăng thêm giá trị và hình ảnh công ty trong thị trường.

Câu 63D:

Thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm vừa qua không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: HĐQT cần tham gia các khóa đào tạo về QTCT để được cập nhật kiến thức và kỹ năng về QTCT nhằm nâng cao phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong công ty, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng huy động vốn của các công ty, nâng cao tính minh bạch của thị trường.

Câu 64D:

Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán có vai trò giám sát kiểm soát rủi ro kế toán tài chính, giám sát nội bộ đối với quản trị công ty, có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc công ty. Sự phối hợp giữa 3 ban này thể hiện ở chỗ BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu. Việc đánh giá phối hợp các bên này cung cấp thông tin về hiệu quả phối hợp của 3 bên này cũng như hiệu quả của BKS/Tiểu ban kiểm toán trong thực thi vai trò trách nhiệm.

Câu 65D:

Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán thực hiện đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và Báo cáo Tài chính không?

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Thực hiện thẩm định BCTC và đánh giá công ty Kiểm toán độc lập là nhiệm vụ cơ bản của BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán với vai trò tư vấn độc lập để bảo đảm sự hợp lệ, hợp pháp, và theo mục tiêu của công ty

Câu 66D:

Sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp của Ban kiểm soát/Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán hoạt động hiệu quả nhờ đóng góp tích cực của các thành viên, do vậy tình hình tham gia hoạt động của từng thành viên trong các cuộc họp để trao đổi và thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ là hết sức cần thiết để hoàn thành vai trò giám sát nội bộ và tư vấn độc lập trong các lĩnh vực hoạt động của công ty. Công bố công khai số lần họp và sự tham gia của từng thành viên tương ứng còn thể hiện được tinh thần trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên.

Câu 67D:

Ban kiểm soát /Tiểu ban Kiểm toán có tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm vừa qua?

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Việc thường xuyên họp bàn thảo luận của các thành viên ban kiểm soát cho phép ban kiểm soát kịp thời kiểm tra giám sát, thảo luận các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của công ty, giám sát kế toán tài chính, quản lý rủi ro, thảo luận đánh giá hiệu quả của kiểm toán độc lập và thực thi các trách nhiệm khác của mình.

Câu 68D:

Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Người sử dụng thông tin tài chính và các bên tham gia thị trường cần được thông tin về các rủi ro quan trọng và các cơ chế phòng ngừa quản lý các rủi ro này để có thể tiên liệu trước về tình hình kinh doanh từ đó có những quyết định đầu tư hợp lý.

Câu 69D:

Báo cáo của HĐQT có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/giám sát thực thi chiến lược của công ty?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Một trong những vai trò của HĐQT là định hướng, xây dựng và theo dõi thực thi chiến lược phát triển của công ty, giám sát hiệu quả công tác quản lý, thông qua. Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, giúp đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả sẽ thu hút được sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

CÁC CÂU HỎI CẤP 2: CÂU CỘNG ĐIỂM HOẶC TRỪ ĐIỂM

Câu 70 (Bonus):

Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Phát triển bền vững đang trở thành một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế thế giới, nhằm đảm bảo cân bằng hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường với phát triển xã hội. Đây là trách nhiệm chung cần có sự phối hợp đồng bộ và cần nhiều nỗ lực hơn nữa từ các nhà hoạch định chính sách, các thành viên tham gia thị trường. Theo đó, công ty cần lập và công bố báo cáo PTBV theo chuẩn mực được quốc tế công nhận trình bày rõ hơn triển vọng phát triển dài hạn của công ty thông qua các mục tiêu phát triển bền vững, cho thấy sự tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, cũng như cách thức doanh nghiệp quản lý những tác động và rủi ro có liên quan đến môi trường và xã hội.

Câu 71 (Bonus):

Doanh nghiệp có công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán (phí thu được từ các dịch vụ khác mà công ty kiểm toán cung cấp)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Tính độc lập của kiểm toán là yêu cầu thiết yếu đảm bảo vai trò đánh giá khách quan, trung thực của kiểm toán. Việc công ty công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập cho phép các bên hữu quan của công ty có thể đánh giá tính độc lập của dịch vụ kiểm toán được cung cấp cho doanh nghiệp.

Câu 72 (Penalty):

Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty kể từ đầu năm tài chính đến nay?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Hành vi giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty cần được ngăn chặn và xử lý vi phạm bởi cơ quan có thẩm quyền vì nó đem lại lợi ích cá nhân cho người giao dịch nhưng gây thiệt hại cho lợi ích chung của cổ đông.

Câu 73 (Penalty):

Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu kể từ đầu năm tài chính đến nay không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Trường hợp không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu cần được nhận diện và xử lý vi phạm vì thị trường cần biết công ty có được điều hành vì lợi ích chung của các nhà đầu tư hay không.

Câu 74 (Penalty):

Công ty có bị SGDCK/UBCKNN nhắc nhở, xử lý vi phạm liên quan đến CBTT hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác của công ty niêm yết hay không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Các DNNY thường rất chú trọng việc CBTT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của DNNY bởi họ hiểu được phải đảm bảo tính minh bạch, thông tin chính xác, trung thực, liên tục, kịp thời và chịu hoàn toàn trách nhiệm các thông tin được công bố, cũng như mối quan hệ của doanh nghiệp đến các bên có lợi ích liên quan như các cổ đông hiện tại và tiềm năng, nhà cung cấp, khách hàng... Trường hợp có những vi phạm xảy ra thì quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan bị ảnh hưởng nên cần thiết bị chế tài, xử lý vi phạm bởi cơ quan có thẩm quyền

Câu 75 (Penalty):

Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập không có giải trình kèm theo?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Thông tin tài chính là một trong những nội dung cơ bản và được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên, bên cạnh việc công bố đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính định kỳ, trường hợp công ty có "ý kiến ngoại trừ" của kiểm toán độc lập thì các thông tin giải trình đi kèm đóng vai trò rất quan trọng, cung cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư.

Câu 76 (Penalty):

Công ty có phát hành lại Báo cáo Tài chính kiểm toán trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: BCTC kiểm toán là một trong những thông tin quan trọng mà doanh nghiệp niêm yết buộc phải công bố và là cơ sở để nhà đầu tư đánh giá chất lượng tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc doanh nghiệp phát hiện những sai lệch trọng yếu, hay phải điều chỉnh, phát hành lại báo cáo dù đã được kiểm toán ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của nhà đầu tư.

Câu 77 (Penalty):

Thành viên Ban Kiểm soát/Tiểu ban kiểm toán có làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty không?

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Nhằm thực thi vai trò độc lập trong kiểm tra, giám sát tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán cần phải duy trì tính độc lập. Thành viên BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty có nhiều khả năng đánh giá cho chính công việc của mình, từ đó làm giảm tính độc lập.

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TRONG NĂM 2019**

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2	AAV	CTCP Việt Tiên Sơn Địa ốc
3	ABT	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre
4	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu
5	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang
6	ADS	CTCP DAMSAN
7	AGM	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang
8	AGR	CTCP Chứng khoán Argibank
9	AMC	CTCP Khoáng sản Á Châu
10	AMD	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD
11	AMV	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
12	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)
13	APC	CTCP Chiêu Xạ An Phú
14	APG	CTCP Chứng Khoán An Phát
15	APS	CTCP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương
16	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai
17	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha
18	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco
19	ATS	CTCP Suất ăn công nghiệp Atesco
20	BCC	CTCP Xi măng Bim Sơn
21	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương
22	BCG	CTCP Bamboo Capital
23	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền
24	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
25	BII	CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ
26	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định
27	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh
28	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh
29	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
30	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa
31	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt
32	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
33	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương
34	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2
35	C69	CTCP Xây dựng 1369
36	CAP	CTCP lâm nông sản thực phẩm Yên Bái
37	CAV	CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
38	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
39	CEE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII
40	CEO	CTCP Tập đoàn C.E.O
41	CET	CTCP Tech - Vina
42	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung
43	CIA	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
44	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM
45	CLC	CTCP Cát Lợi
46	CLG	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec
47	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC
48	CMS	CTCP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam
49	CMX	CTCP Camimex Group
50	CNG	CTCP CNG Việt Nam
51	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam
52	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ
53	CSC	CTCP Tập đoàn COTANA
54	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
55	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam
56	CTD	CTCP Xây Dựng Cotecons
57	CTF	CTCP City Auto
58	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
59	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico
60	CTP	CTCP Cà Phê Thương Phú
61	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
62	CVN	CTCP VINAM
63	CVT	CTCP CMC
64	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2
65	DAG	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á
66	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á
67	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam
68	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
69	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre
70	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long
71	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
72	DGC	CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang
73	DGW	CTCP Thế Giới Số
74	DHA	CTCP Hóa An
75	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre
76	DHG	CTCP Dược Hậu Giang
77	DHM	CTCP TM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu
78	DHT	CTCP Dược phẩm Hà Tây
79	DIC	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC
80	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
81	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
82	DNP	CTCP Nhựa Đồng Nai
83	DP3	CTCP Dược phẩm Trung ương 3
84	DPG	CTCP Đạt Phương
85	DPM	Tổng công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP
86	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú
87	DPS	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
88	DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang
89	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng
90	DRH	CTCP DRH Holdings
91	DS3	CTCP Quản lý Đường sông số 3
92	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen
93	DST	CTCP Đầu tư Sao Thăng Long
94	DTA	CTCP Đệ Tam
95	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt
96	DVP	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Cảng Đình Vũ
97	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh
98	DXP	CTCP Cảng Đoạn Xá
99	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam
100	ELC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông
101	EVE	CTCP Everpia Việt Nam
102	EVG	CTCP Đầu tư Everland
103	FCM	CTCP Khoáng sản FECON
104	FCN	CTCP Fecon
105	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T
106	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC
107	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta
108	FPT	CTCP FPT
109	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
110	FTM	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
111	FTS	CTCP Chứng khoán FPT
112	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP
113	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành
114	GEX	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam
115	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh
116	GKM	CTCP Gạch Khang Minh
117	GMC	CTCP SX TM May Sài Gòn
118	GMD	CTCP GEMADEPT
119	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế
120	GTA	CTCP Chế Biến Gỗ Thuận An
121	GTN	CTCP GTNFOODS
122	HAD	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
123	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai
124	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
125	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco
126	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền
127	HAT	CTCP Thương mại Bia Hà Nội
128	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh
129	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình
130	HCC	CTCP Bê tông Hòa Cầm - Intimex
131	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD
132	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM
133	HDA	CTCP Hăng sơn Đông Á
134	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
135	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu
136	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô
137	HHG	CTCP Hoàng Hà
138	HHP	CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng
139	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy
140	HII	CTCP An Tiến Industries
141	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND
142	HMC	CTCP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL
143	HMH	CTCP Hải Minh
144	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
145	HOT	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An
146	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát
147	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát
148	HQC	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân
149	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình
150	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen
151	HSL	CTCP Chế biến nông sản Hồng Hà Sơn La
152	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1
153	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico
154	HTL	CTCP Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long
155	HTT	CTCP Thương mại Hà Tây
156	HU3	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3
157	HUT	CTCP Tasco
158	HVT	CTCP Hóa chất Việt Trì
159	IBC	CTCP Đầu tư Apax Holdings
160	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng
161	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I
162	IDJ	CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam
163	IDV	CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc
164	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
165	IMP	CTCP Dược Phẩm Imexpharm
166	INN	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp
167	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo
168	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà
169	ITD	CTCP Công Nghệ Tiên Phong
170	ITQ	CTCP Tập đoàn Thiên Quang
171	IVS	CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
172	JVC	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
173	KBC	Tổng công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP
174	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO
175	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền
176	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa
177	KHS	CTCP Kiên Hùng
178	KKC	CTCP Kim khí KKC
179	KLF	CTCP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF
180	KMR	CTCP Mirae
181	KPF	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh
182	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
183	KSD	CTCP Đầu tư DNA
184	KSQ	CTCP CNC Capital Việt Nam
185	KVC	CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
186	L10	CTCP Lilama 10
187	L14	CTCP Licogi 14
188	L35	CTCP Cơ khí lắp máy Lilama
189	LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
190	LCG	CTCP Licogi 16
191	LDG	CTCP Đầu Tư LDG
192	LDP	CTCP Dược Lâm Đồng - Ladophar
193	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang
194	LHC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
195	LHG	CTCP Long Hậu
196	LIG	CTCP Licogi 13
197	LIX	CTCP Bột Giặt Lix
198	LM7	CTCP Lilama 7
199	LM8	CTCP Lilama 18
200	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn
201	LUT	CTCP Đầu tư Xây dựng Lương Tài
202	MAS	CTCP Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Đà Nẵng
203	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
204	MBG	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam
205	MBS	CTCP Chứng khoán MB
206	MCO	CTCP Đầu tư & Xây dựng BDC Việt Nam


STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
207	MDC	CTCP Than Mông Dương - Vinacomin
208	MHC	CTCP MHC
209	MPT	CTCP Tập đoàn Trường Tiền
210	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan
211	MST	CTCP Xây dựng 1.1.6.8
212	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động
213	NAF	CTCP Nafoods Group
214	NAG	CTCP Tập Đoàn Nagakawa
215	NAV	CTCP Nam Việt (Navifico)
216	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bẩy Bảy
217	NBC	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin
218	NBP	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
219	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài
220	NDN	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng
221	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng
222	NET	CTCP Bột Giặt NET
223	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nam Hà Nội
224	NKG	CTCP Thép Nam Kim
225	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long
226	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ
227	NRC	CTCP Bất động sản Netland
228	NSC	CTCP Tập đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam
229	NSH	CTCP Nhôm Sông Hồng
230	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
231	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm
232	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong
233	NVB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
234	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
235	NVT	CTCP Bất Động Sản Du Lịch Ninh Vân Bay
236	PAC	CTCP Pin Ấc Quy Miền Nam
237	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN
238	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I
239	PDB	CTCP Pacific Dinco
240	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt
241	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí
242	PGC	Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP
243	PGD	CTCP Phân Phối Khí Thấp Áp Dầu Khí Việt Nam
244	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holding
245	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa
246	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP
247	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
248	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
249	PMC	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic
250	PME	CTCP PYMEPHARCO
251	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
252	PMS	CTCP Cơ khí xăng dầu
253	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
254	POM	CTCP Thép Pomina
255	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại
256	PPS	CTCP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
257	PTB	CTCP Phú Tài
258	PV2	CTCP Đầu tư PV2
259	PVB	CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam
260	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí -CTCP
261	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí
262	PVG	CTCP Kinh doanh Khí miền Bắc
263	PVI	CTCP PVI
264	PVS	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam
265	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí
266	PXS	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí
267	QBS	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
268	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông
269	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông
270	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh
271	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros
272	S55	CTCP Sông Đà 505
273	S99	CTCP SCI
274	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
275	SAM	CTCP SAM HOLDINGS
276	SAV	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex
277	SBA	CTCP Sông Ba
278	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa
279	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam
280	SCD	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương
281	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
282	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
283	SD2	CTCP Sông Đà 2
284	SD6	CTCP Sông Đà 6
285	SD9	CTCP Sông Đà 9
286	SEB	CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG
287	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam
288	SFN	CTCP Dệt lưới Sài Gòn
289	SGN	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
290	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
291	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
292	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà
293	SHN	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
294	SHS	CTCP chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
295	SIC	CTCP ANI
296	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn
297	SJF	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương
298	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà
299	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang
300	SLS	CTCP Mía đường Sơn La
301	SMA	CTCP Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn
302	SMB	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
303	SMC	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC
304	SPI	CTCP SPI
305	SRA	CTCP SARA Việt Nam
306	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng
307	SRF	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh
308	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI
309	ST8	CTCP Siêu Thanh
310	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
311	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ
312	SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn
313	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành
314	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An
315	TC6	CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin
316	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
317	TCD	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
318	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
319	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
320	TCM	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công
321	TCS	CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin
322	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
323	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương
324	TDG	CTCP Dầu khí Thái Dương
325	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức
326	TDN	CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin
327	TDT	CTCP Đầu tư và Phát triển TDT
328	TEG	CTCP BĐS và Xây dựng Trường Thành
329	TFC	CTCP Trang
330	TGG	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang
331	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
332	THI	CTCP Thiết bị điện

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
333	THT	CTCP Than Hà Tu - Vinacomín
334	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long
335	TJC	CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại
336	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long
337	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên
338	TMP	CTCP Thủy Điện Thác Mơ
339	TMS	CTCP Transimex
340	TMT	CTCP Ô tô TMT
341	TNA	CTCP TM XNK Thiên Nam
342	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
343	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam
344	TNT	CTCP Tài Nguyên
345	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
346	TRA	CTCP Traphaco
347	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh
348	TS4	CTCP Thủy Sản Số 4
349	TST	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
350	TTB	CTCP Tập đoàn Tiến Bộ
351	TTH	CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
352	TTT	CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh
353	TTZ	CTCP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung
354	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2
355	TV3	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 3
356	TV4	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4
357	TVB	CTCP Chứng khoán Trí Việt
358	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt
359	TVD	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomín
360	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
361	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng -CTCP
362	TYA	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam
363	UDC	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
364	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico
365	UNI	CTCP Viễn Liên
366	VAT	CTCP VT Vạn Xuân
367	VBC	CTCP Nhựa Bao bì Vinh
368	VC3	CTCP Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3
369	VC7	CTCP Xây dựng 7
370	VC9	CTCP xây dựng số 9
371	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
372	VCC	CTCP Vinaconex 25
373	VCG	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam
374	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
375	VCS	CTCP VICOSTONE
376	VDP	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA
377	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
378	VE1	CTCP Xây dựng điện VNECO 1
379	VE9	CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9
380	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam
381	VGC	Tổng Công ty Viglacera -CTCP
382	VGS	CTCP Ống thép Việt Đức VGPIPE
383	VHC	CTCP Vinh Hoàn
384	VHM	CTCP Vinhomes
385	VIC	Tập Đoàn Vingroup -CTCP
386	VID	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông
387	VIG	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
388	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco
389	VIS	CTCP Thép Việt ý
390	VIT	CTCP VIGLACERA TIỀN SƠN
391	VIX	CTCP Chứng khoán IB
392	VJC	CTCP Hàng không Vietjet
393	VKC	CTCP Cáp nhựa Vĩnh Khánh
394	VMC	CTCP VIMECO
395	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect
396	VNE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam
397	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công
398	VNM	CTCP Sữa Việt Nam
399	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam
400	VOS	CTCP Vận Tải Biển Việt Nam
401	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng
402	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
403	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
404	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng
405	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest
406	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC
407	VRE	CTCP Vincom Retail
408	VSC	CTCP Container Việt Nam
409	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh
410	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước
411	VTH	CTCP Dây cáp điện Việt Thái
412	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco
413	WCS	CTCP Bến xe Miền Tây
414	WSS	CTCP Chứng khoán Phố Wall
415	YBM	CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
416	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1



Minh bạch
Quản trị tốt
Phát triển bền vững